

CLÁSICOS DE SIEMPRE

EDICIÓN BILINGÜE

FRIEDRICH
NIETZSCHE

ECCE HOMO



Friedrich Nietzsche

Tôi là ai? Đây là người mà chúng ta mong đợi!

Phạm Công Thiện dịch

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời người dịch

Có ba quyển sách ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc đời tôi, đó là quyển *Milarepa* do W. Y. Evans-Wentz xuất bản, viết về đời sống của Bồ tát Tây Tạng Milarepa, quyển thứ hai là quyển nhật ký của Nijinski, một nghệ sĩ múa người Nga, quyển thứ ba là quyển *Ecce Homo* của Nietzsche, tức là quyển này đây.

Nhiều lúc điên gàn vớ vẩn, tôi tưởng tượng rằng tôi bị mù mắt, bị bại liệt cả thân thể một ngày nào đó thơ mộng trong kiếp này hoặc kiếp sau, trong một căn nhà đổ nát, tôi nằm dài trên nệm đất, trời nắng dữ dội, mắt tôi không thấy gì cả, nhưng lỗ tai tôi còn nghe được tiếng thở của trái đất thì có một người nào đó sẽ độ lượng chịu cực độ đọc cho tôi nghe năm mươi trang trong quyển *Milarepa* hoặc quyển *Ecce Homo* của Nietzsche. Chắc lúc ấy mắt tôi sẽ bừng sáng lại được, và tôi vùng lên đứng dậy, không còn bại liệt nữa. Tôi sẽ chạy đâm đầu vào núi cấm để chờ ngày núi nổ banh ra làm hai thì tôi sẽ khoan thai bước ra hiện nguyên tính! Lúc ấy cỏ xanh sẽ nhảy múa dưới chân tôi, chân tôi sẽ lướt trên cỏ như ma đi hồng chân. Nhưng điều chắc chắn là tôi sẽ không là ma, mà là một cái gì rất hiền lành, rất dễ dạy, rất chậm chạp, vô danh, miệng cứ cười một nụ cười nhẹ nhàng như không khí.

Tôi thường mang tiếng là giỏi sinh ngữ, thực sự thì tôi khinh bỉ những kẻ nào biết nhiều thứ tiếng. Tôi vẫn nghĩ rằng chữ Việt là chữ khó đọc nhất, vì chữ Việt không có văn phạm và ngữ pháp, không có ngày nào tôi không dở *Tự điển Việt Nam* của Hội Khai Trí Tiến Đức và quyển *Việt Nam tân tự điển* của Thanh Nghị để học từng chữ A, từng chữ B, tôi chịu khó học lại từng dấu hỏi, dấu ngã để nhìn lại những nét mặt quen thuộc của bà con làng xóm mà từ bao nhiêu năm lang bạt kỳ hồ tôi đã bỏ quên một cách ngu dại. Đối với tôi, tiếng Việt còn giữ lại một niềm bí ẩn nào đó mà cả đời tôi cũng không thể nào khoét sâu vào được. Có lẽ khi sắp chết thì niềm bí ẩn kia sẽ hiện nguyên hình...

Còn tiếng ngoại quốc? Tôi coi những thứ tiếng ngoại quốc như những trò chơi nhảm nhí. Hồi 13-14 tuổi, tôi đã học tiếng Nga, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức, tiếng Hoà Lan, tiếng Ba Lan, vân vân. Đến năm 18-19 tuổi, tôi lại học thêm tiếng Phạn, tiếng Pali, tiếng Hy Lạp, tiếng Tây Tạng, vân vân. *Bây giờ có lẽ tôi đã quên hết mọi thứ tiếng*, tôi chỉ nhớ một tiếng A của chữ Phạn, chỉ nội có tiếng A này có lẽ tôi phải đầu thai đến một trăm kiếp nữa thì mới hiểu nổi hết tất cả ý nghĩ kỳ lạ của tiếng A trong chữ Phạn!

Sở dĩ tôi say mê ba quyển sách kể trên (*Milarepa*, Nijinsky và Nietzsche) là vì tôi coi ba quyển sách này như là ba quyển văn phạm vỡ lòng để đi vào tiếng A của chữ Phạn! Tại sao thế? Xin cho tôi giữ lại một chút kín đáo về đời sống tâm linh mình.

Bây giờ tôi xin nhường lời lại cho Nietzsche.

Và đây là người mà chúng ta mong đợi, *Ecce Homo!*

Phạm Công Thiện

Ngày 5 tháng 11, 1969

Lời tựa của Nietzsche

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

I.

Tiên kiến rằng trong tương lai tôi phải đưa nhân loại đương đầu với một điều yêu sách gian nan nhất, khó nhọc nhất mà chưa từng ai đưa nhân loại đối đầu như vậy, tôi liền thấy ngay rằng việc tôi khẩn hiện nay của tôi dường như phải nói cho mọi người biết *tôi là ai*. Thực sự thì chắc người ta cũng biết được chứ, vì tôi không bao giờ quên để lại "chứng minh thư". Song sự chênh lệch giữa sự cao sang lớn lao của sứ mạng tôi và *sự nhỏ bé thấp hèn* của những người sinh ra đồng thời với tôi, sự chênh lệch ấy có thể tỏ lộ chân tướng rõ rệt trong việc người đời không hề nghe biết đến tôi, cũng không hề nhìn thấy được chân diện tôi. Tôi sống với niềm tin cậy mà tôi tự ban lấy cho tôi; ồ, cũng có thể lắm, có lẽ tôi chỉ sống với một thiên kiến thôi?

Dễ lắm chỉ cần mở miệng ra nói chuyện với bất cứ tên nào trong bọn "trí thức học thức" mỗi khi hần nghĩ hề ghé tạt qua vùng thượng sơn Engadine, chỉ cần nhếch môi nói dăm ba lời với mấy tên ấy thì tôi thấy ngay rằng tôi không sống gì hết.

Gặp những trường hợp các cơ như thế, tôi cảm thấy có bốn phận mà thói quen của đời sống tôi, nhất là tính cao ngạo của những bản năng tôi, vẫn luôn luôn nổi loạn chống chế lại dữ dội từ đáy lòng sâu thẳm, chống lại cái việc cần phải quát lên: *Chúng bây hãy lắng nghe ta! Vì ta là thế này, thế này đây. Chúng bây đừng bao giờ làm lẫn ta, đừng nhìn lầm ta là một kẻ nào khác!*

II.

Chẳng hạn, điều rõ ràng là tôi không bao giờ là một loài ác độc, quỷ quái, một loại quái vật luân lý học – trái lại thực sự tôi chống nghịch lại hẳn mẫu người mà thiên hạ từ lâu tôn sùng như là bậc có đạo đức, có đạo hạnh. Nói cho tận tình ý với nhau thì dường như cái việc đi nghịch lại thiên hạ ấy cũng là bản hữu của tính cao ngạo trong tôi. Tôi là học trò của triết thần Dionysus, bậc linh thần ào ạt say ngất tràn lan. Nói cho cùng lời thì tôi vẫn thích làm một tên thần hoang dã, mình người chân dê, hơn là làm một bậc thánh đạo hạnh cao đức. Nhưng dù sao người đời cũng nên đọc cho thấu đáo thiên tuyệt bút này. Cũng có thể lắm, may ra tôi nói được điều muốn nói; cũng có thể lắm; thiên tuyệt bút này đạt được ý nghĩa trung thực của nó, nghĩa là không nói gì hết ngoài việc nói lên sự tương phản kia qua một giọng điệu vui sống khoan thai, đầy tình thương xót nhân loại.

"Cải thiện" nhân loại ư? Điều ấy là điều còn lâu tôi mới xét tới. Tôi không hề dựng lên những thần tượng mới nào hết; hãy để lũ thần tượng cũ biết thế nào hậu quả cái việc chân bằng đất thó. *Hãy lật đổ những thần tượng* (tôi gọi "lý tưởng" là "thần tượng"), lật đổ những thần tượng mới thực là bản hữu

của sinh nghiệp tôi. Người đời bày đặt ra một thế giới lý tưởng một cách láo khoét ngay lúc họ tước mất giá trị ý nghĩa, chân tính ra ngoài thực tại.

"Thế giới thực" và "thế giới giả" – có nghĩa: thế giới bày đặt láo khoét và thực tại.

Lý tưởng láo khoét từ lâu đã nguyên rủa thực tại; đó là nguyên do lý lẽ đã khiến cho nhân loại trở thành láo khoét giả dối sai lầm ngay cả những bản năng chính yếu nhất của con người – láo khoét đến nỗi họ đã sùng bái những giá trị *đối nghịch* lại với những cái duy nhất khả dĩ bảo đảm được sức khỏe, tương lai, quyền hạn cao cả về tương lai của mình.

III.

Những kẻ nào có thể thở nổi không khí của những tác phẩm tôi đều biết rằng đây là không khí của những đỉnh cao vùng sơn thượng, một loại không khí mạnh khoẻ mãnh liệt; muốn thở nổi không khí ấy, mình phải được sinh ra để thở loại không khí ấy, phải bám trụ không khí ấy. Nếu không thể thì không thể tai qua nạn khỏi lúc mình bị cảm lạnh. Băng tuyết gần khít một bên, nổi cô đơn thì quá sức chịu đựng, thực là khủng khiếp - thế mà tất cả mọi sự đều nằm im lặng biết bao, tĩnh lặng biết bao trong ánh nắng! Mình hít thở thoải mái biết bao! Mình cảm thấy biết bao nhiêu sự việc *ở tận dưới* chân mình!

Triết lý, sống triết lý như tôi hiểu, từng hiểu và sống, có nghĩa là sống cố ý, tình nguyện sống giữa vùng tuyết lạnh và vùng núi cao tít mù – moi móc cho ra tất cả mọi sự kỳ dị, mọi sự nghi vấn trong đời sống, tất cả mọi sự mà luân lý cấm đoán kiêng kỵ. Kinh nghiệm lâu dài học được suốt những lúc lang thang phiêu lãng trong *vùng cấm đoán*, đã dạy tôi nhìn thấy những lý do khác hẳn đi, trong một luồng ánh sáng khác hẳn, những lý do từ lâu xui khiến thiên hạ làm trò luân lý đạo đức, làm trò lý tưởng lý sự, tôi đã nhìn thấy những lý do ấy khác hẳn với lý sự thông thường được thiên hạ chấp nhận từ lâu: nhìn thấy sáng lên chân tướng, lịch sử *giấu kín* của những triết gia, tâm lý đen của những tên tuổi vĩ đại, mọi sự hực sáng bùng dậy cho tôi nhìn thấy tất cả.

Một tâm hồn có thể *chịu đựng sự thật* đến bao nhiêu? Có thể *dám*, có thể đánh liều sự thật đến bao nhiêu? Càng lúc càng sáng tỏ cho tôi thấy rằng việc ấy trở thành tiêu chuẩn, thước đo thực sự để tôi đánh giá con người. Sự sai lầm (đức tin vào lý tưởng) không phải là sự mù quáng, sự sai lầm chính là hèn nhát, khiếp nhược.

Bất cứ một sự đạt đạo, bất cứ một bước nào tiến lên sự tri tính kiến tính đều xuất phát từ *lòng can đảm*, từ *sự cứng rắn chại lì với bản thân*, cứng rắn đối với chính mình, lòng tinh khiết sạch sẽ của mình đối với chính mình. [\[1\]](#)

Tôi không chối bỏ những lý tưởng, tôi chỉ mang găng tay mỗi khi sờ mó chúng...

Nitimur in vetitum [\[2\]](#) : dưới dấu hiệu này triết lý của tôi nhất định một ngày kia sẽ chiến thắng, vì từ trước cho đến bây giờ ngay từ nguyên tắc, người ta vẫn chỉ khẳng khẳng cấm đoán một điều - điều đó là sự thật, chỉ có sự thật mà thôi.

IV.

Trong tất cả sáng tác phẩm của tôi, quyển *Zarathustra* của tôi nổi bật lên một chỗ ngự biệt lập ngang tàng trong tâm thức tôi. Qua tác phẩm *Zarathustra* ấy, tôi đã tặng cho nhân loại một quà tặng vĩ đại nhất từ trước cho đến giờ. Quyển sách ấy mà âm vang đồng vọng lên một tiếng nói bắc cầu bao nhiêu thế kỷ quả là một quyển sách cao nhất, một quyển sách thực thụ biểu lộ không khí tuyệt mù của những vùng non cao tuyết phủ - một quyển sách đập con người xuống tận đáy sâu thăm hạ, để con người nằm xa tít thăm thẳm dưới kia – đó chẳng những là quyển sách cao nhất mà cũng còn là một quyển sách sâu *thẳm* nhất, được khai sinh ra từ kho tàng nội tại nhất của chân lý, một giếng sâu không đáy mà không có thùng gáo nào thông xuống mà không mức lên đầy vàng óng và đầy lòng nhân thiện cao cả. Nơi đây không có tên "tiên tri" nào lên tiếng dạy đời, những tên nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi, những tên hỗn tạp âm hiểm mắc bệnh hủi, mắc bệnh tham quyền, ham say thế tục oai hùng mà người đời gọi là những kẻ giáo chủ, những tên sáng lập tôn giáo. Cần nhất là phải *nghe* cho đúng điệu âm vọng đưa ra từ môi miệng này, giọng lời của Zarathustra mang lên thanh điệu của loài chim bói cá thần thoại thăm lặng, thanh bình mệnh mang, xin chớ làm lẫn lộn bất công với ý nghĩa đạo lý cao cả của Zarathustra, nếu không làm vậy như thế thì cần phải nghe cho trúng tiết, trúng nhịp giùm vậy.

"Chính những lời thăm lặng nhất mới mang tới bão tố. Những tư tưởng nhón nhén trên bước chân bò câu mới dẫn đạo thế giới" (*Zarathustra*, phần II, chương cuối).

"Những trái sung rời cành rụng xuống, những trái thơm ngọt chín đỏ, và khi trái rụng thì da đỏ vỡ nứt ra. Ta là cơn gió phương bắc thổi tới làm chín vàng trái xanh.

Cũng thế, như những trái sung, đạo lý ta rơi rụng trên các người, hỡi bằng hữu của ta; vậy các người hãy tận hưởng nước trái, cơm trái ngon ngọt. Mùa thu đang về vây phủ chúng ta, ôi sao vui vợi trời long lơ và buổi chiều mang mang..."

Nơi đây không phải lời lẽ của một tên cuồng tín, không ai thuyết pháp giảng đạo ở đây cả, không ai cần phải tỏ có đức tin ở đây: từ cõi vùng giàu sang vô hạn đầy đầy ánh sáng và từ hố thăm tràn lan vĩnh phúc nhỏ ra từng giọt, từng giọt thánh thót, từng tiếng từng lời vi vu: tiết nhịp của giọng lời là sự khoan thai chậm chạp mơn mơn dịu dàng du dương. Những điều nói ra theo cung điệu như thế chỉ có những kẻ chung thuyên ưu tú mới liễu nhập được. Kẻ nào lắng tai nghe được nơi đây quả là nhận được một ân huệ vượt bậc, không gì sánh ngang nổi. Không phải bất cứ ai cũng có được lỗ tai xứng đáng để nghe Zarathustra.

Có phải tất cả những thứ đó đã làm Zarathustra trở thành một tên huyền hoặc, dụ dỗ, ăn nói "cam ngôn mật ngữ"? Thế nhưng chính Zarathustra tự nói những gì, lúc chàng trở về với nỗi cô liêu của chàng vào lần đầu tiên? Nhất định chàng nói ngược lại tất cả những gì mà bất cứ "bậc thánh nhân", "bậc thánh", "bậc cứu thế" hay bất cứ tên sa đọa nào cũng đều phải nói trong trường hợp như thế - Chẳng những lời lẽ của chàng khác biệt hẳn mà chính chàng cũng khác biệt hẳn.

"Hỡi những môn đệ của ta, giờ đây ta đi một mình, và chính các người cũng phải đi một mình vậy, vì ta vẫn muốn thế. Hãy đi xa, tránh xa ta và hãy chống lại Zarathustra! Hãy xấu hổ vì hắn. Có lẽ hắn đã lường gạt các người.

Kẻ thiện tri thức chẳng những phải yêu kẻ thù mà còn phải có khả năng thù ghét bạn bè thân hữu.

Mình chỉ trả ơn thầy mình một cách bội bạc mỗi khi mình vẫn luôn luôn là học trò thôi. Tại sao các người không muốn đưa tay giật lấy vùng hoa nguyệt quế của ta?

Các người sùng bái kính trọng ta, nhưng các người nghĩ sao nếu sự sùng bái trọng vọng kia sẽ sụp đổ một ngày gần đây? Hãy thận trọng coi chừng thần tượng đè bẹp các người.

Các người tin tưởng Zarathustra ư? Thế nhưng Zarathustra là cái quái gì chứ? Các người là những tín đồ của ta - thế nhưng tín đồ là cái quái gì hử?

Các người vẫn chưa tìm ra các người, thế mà các người đã tìm ra ta. Tất cả lũ tín đồ đều giống như thế, đó là lý do tại sao mọi người đức tin đều chẳng có nghĩa lý gì ráo.

Giờ đây ta ra lệnh các người hãy đánh mất ta và hãy tìm ra chính các người, và chỉ khi nào các người đều từ bỏ ta trọn vẹn, thì ta mới trở về lại các người".

Friedrich Nietzsche

Chú thích của dịch giả

Đoạn cuối cùng rất đáng cho chúng ta đọc lại nguyên tác chữ Đức; đối với những độc giả không biết chữ Đức thì cũng cứ đọc đại đi vì Vô Thức của mình sẽ hiểu hết những gì mà ý thức không thể quen thuộc:

"Allein gehe ich nun, meine Jünger! Auch ihr geht nun davon und allein! So will ich es.

Geht fort von mir und wehrt euch gegen Zarathustra! Und besser noch: schämt euch seiner! Vielleicht betrug er euch.

Der Mensch der Erkenntnis muss nicht nur seine Feinde lieben, er muss auch seine Freunde hassen können.

Man vergißt seinen Lehrer schlecht, wenn man immer nur der Schüler bleibt. Und warum wollt ihr nicht an meinem Franze rupfen?

Ihr verehrt mich: aber wie, wenn eure Verehrung eines Tages umfällt? Hütet euch, dass euch nicht eine Bildsäule erschlage! Ihr sagt, ihr glaubt an Zarathustra? Aber was liegt an Zarathustra! Ihr seid meine Gläubigen, aber was liegt an allen Gläubigen!

Ihr hattet euch noch nicht gesucht: da fandet ihr mich. So tun alle Gläubigen, darum ist es so wenig mit allem Glauben. Nun heisse ich euch, mich verlieren und euch finden; und erst, wenn ihr mich alle verleugnet habt, will ich euch wiederkehren..."

Trong câu chót có một động từ quan trọng, đó là "wiederkehren" có nghĩa thông thường là "trở về, trở lại, lặp lại" nhưng trong đoạn văn này Nietzsche lại có ý dùng "wiederkehren" trong ý nghĩa trầm trọng của việc Phục Tính, phục hồi như tính, phục hồi vĩnh viễn của sự đồng tính, "Die ewige Wiederkehr des Gleichen" (cf. Heidegger, *Vorträge und Aufsätze*, Teil I, 117). Một tiếng không, rồi một tiếng ừ, tiếng ừ lớn hơn, mãnh liệt hơn, sâu thẳm hơn trong trò chơi vũ trụ?

Vào ngày trọn vẹn hôm nay, khi tất cả mọi sự đều chín đỏ và chẳng những chùm nho chỉ vàng sẫm thôi mà cả tia nháy mặt trời cũng rơi rụng trên cuộc đời tôi: tôi nhìn lui, tôi nhìn tới, ồ chưa bao giờ tôi nhìn thấy được bao nhiêu cơ sự tuyệt vời hiện lên đồng lúc như thế. Ngày hôm nay tôi chôn sâu dưới lòng đất bốn mươi bốn năm trong cuộc đời, bốn mươi bốn năm trôi qua không phải là không ra gì cả: tôi được quyền chôn mất những năm ấy; những gì có sinh khí sôi động trong những năm ấy đã được lưu giữ lại với vạn đại thiên thu. Quyền sách đầu tiên về việc đảo ngược mọi giá trị, những bài hát của Zarathustra, quyển *Hoàng hôn của những thần tượng* nỗ lực sống triết lý nhất búa - tất cả đã đều là quà tặng cho tôi trong năm nay, chỉ vào những tháng cuối cùng năm nay! Làm sao mà tôi không quyền mang ơn suốt trọn đời tôi được? – Và vì thế tôi kể lại đời sống tôi cho chính tôi nghe.

An diesem vollkommenen Tage, wo alles reift und nicht nur die Traube braun wird, fiel mir eben ein Sonnenblick auf mein Leben: ich sah rückwärts, ich sah hinaus, ich sah nie so viel und so gute Dinge auf einmal. Nicht umsonst begrub ich heute mein vierundvierzigstes Jahr, ich durfte es begraben – Was in ihm Leben war, ist gerettet, ist unsterblich. Das erste Buch der Umwertung aller Werte, die Lieder Zarathustras, die Götzen – Dämmerung, mein Versuch mit dem Hammer zu philosophieren – alles Geschenke dieses Jahrs, sogar seines letzten Vierteljahrs! *Wie sollte ich nicht meinem ganzen Leben dankbar sein?* Und so erzähle ich mir mein Leben.

Chú thích của dịch giả

Trong đoạn văn trên có một chữ khó dịch là "Sonnenblick" có thể dịch là "tia nắng mặt trời", mà cũng có thể dịch là "cái nhìn mặt trời", mà cũng có thể dịch là "con mắt mặt trời", "nhật kiến". Tính cách mơ hồ của chữ Đức đã khiến cho những dịch giả không đồng ý nhau, chẳng hạn Walter Kaufmann dịch "Sonnenblick" là "the eye of the sun" ("con mắt mặt trời", còn Alexandre Vialatte dịch là "rayon de soleil" (tia nắng mặt trời), theo tôi thì trong lối sử dụng thông thường trong sinh hoạt dân Đức thì "ein Sonnenblick" có nghĩa là "một thoáng nháy mặt trời". Sở dĩ tôi đơn cử trường hợp chữ này để chúng ta thấy rằng mặc dù cảm nhận tất cả sức hút linh động của nguyên văn ở Nietzsche nhưng dịch giả vẫn phải bất lực trong việc lưu giữ thần hồn của nguyên ngữ, nhưng nói như thế không có nghĩa là Việt ngữ không có sức hút riêng biệt của mình, nhất là người dịch Nietzsche cũng lại càng bùng cháy một thứ lửa thiêng như Nietzsche?

Tại sao tôi khôn ngoan như thế (Warum ich so weise bin)

I.

Niềm vĩnh phúc của đời sống tôi, tính cách độc nhất của đời sống ấy, có lẽ là ở nơi sinh phận của nó: diễn tả theo thể điệu một ẩn ngữ huyền bí thì tôi vốn đã chết rồi, giống như cha tôi đã chết, nhưng đồng lúc giống như mẹ tôi thì tôi vẫn còn đang sống và đang già. Căn cội phát xuất kia vừa là bắt nguồn từ nấc thang cao nhất và thấp nhất của đời sống, nghĩa là đồng lúc tôi vừa là một *kẻ suy vận* vừa là một cái gì *nguyên khởi bắt đầu* (*décadent zugleich und Anfang*), chính điều này hơn hết giải thích tính chất trung lập của đời sống tôi, sự tự do thoát khỏi mọi lập trường thiên chấp, thoát khỏi phe phái bè nhóm trong tư thế đối mặt với vấn đề trọn vẹn của đời sống, có lẽ chính điều ấy đã biệt phân thể đứng của tôi trong đời sống. Tôi có được một thứ cảm giác bén nhạy biết đánh hơi, biết ngửi ra những dấu hiệu về việc cất cánh bay cao và việc suy đồi rơi rụng (*die Zeichen von Aufgang und Niedergang*) hơn bất cứ người nào đi trước tôi, tôi mới đúng là bậc đạo sư *thượng đẳng* về việc này – tôi biết rõ cả hai, tôi vốn là cả hai.

Cha tôi chết đi từ lúc ba mươi sáu tuổi: ông cụ vốn mảnh khảnh, mong manh, nhân từ phúc hậu, và lại bệnh hoạn, như một người sinh ra để chết đi – ông cụ có vẻ một cái gì lưu niệm hiền hậu của đời sống hơn là chính đời sống thực thụ. Cũng vào năm mà đời sống ông cụ rơi rụng mà đời sống của tôi cũng rơi rụng theo: vào năm ba mươi sáu tuổi tôi tuột xuống nơi điểm thấp nhất của sinh lực tôi – tôi vẫn còn sống, nhưng thể mà vẫn không đủ sức để nhìn quá ba bước trước mặt. Thế rồi - đạo đó là năm 1879 – tôi từ chức giáo sư đại học trường đại học Basel, nghỉ hè tại vùng St. Moritz, sống như một bóng ma, rồi mùa đông kế tiếp, một mùa nghèo ánh nắng nhất trong suốt đời tôi, ở tại Naumburg, tôi sống hoàn toàn đúng là một bóng ma không hồn. Tôi đã rơi thấp tận đáy: quyển *Kẻ lang thang với bóng mình* (*Der Wanderer und sein Schatten*) xuất phát từ trạng huống ấy. Điều không thể chối cãi được là lúc bấy giờ tôi đã biết quá rõ thế nào là những bóng ma, bóng tối chờn vờn.

Mùa đông sau đó, mùa đầu tiên trong đời tôi tại Genoa, một sự dịu ngọt nào đó và một cuộc chuyển di tâm linh nào đó đi đôi không rời với cơn bần cùng tàn tạ của máu và thớ thịt, chính những thứ trùng ngẫu ấy đã khai tạo ra quyển *Triều dương* (*Morgenröte*). Ánh sáng rạo rực tận mỹ và niềm hân hoan phơi phới, cả sức sống tràn lan ào ạt của tâm thức, đã phản hiện trong tác phẩm này, điều ấy trong trường hợp tôi lại thuận ứng, chẳng những với cơn yếu đuối nặng nề nhất về mặt cơ thể mà thuận ứng với cả cơn đau nhói đi quá mức độ. Giữa chứng bệnh nhức óc giày vò liên miên suốt ba ngày liền, tiếp theo đó là cơn mưa mặt ngày ngật, tôi vẫn giữ được sự sáng suốt cao độ của một kẻ lý luận biện chứng, vẫn suy tưởng lạnh lùng thấu xuyên qua những vấn đề mà trong những hoàn cảnh khỏe mạnh hơn tôi vẫn không có đủ tinh thần bén nhạy, tế nhị, lạnh lùng của kẻ leo núi. Những người đọc tôi có lẽ biết rằng tôi coi biện chứng pháp như là dấu hiệu của sự sa đọa xuống dốc là thế nào; chẳng hạn như trường hợp nổi tiếng nhất, đó là trường hợp của Socrate.

Tất cả những trạng thái giầy vò bệnh hoạn của tri thức, ngay cả trạng thái nửa mê nửa tỉnh ngật ngư sau cơn sốt thực sự cho đến nay tôi không biết gì về những trạng thái bệnh hoạn ấy cả, thường khi tôi phải khảo cứu, nghiên cứu sách vở để tìm hiểu, khám ra bản chất và bệnh chứng thường xuyên của chúng. Máu của tôi chảy rất chậm. Không ai có thể khám phá ra bất cứ cơn sốt nào trong tôi. Một y sĩ khám

bệnh tôi trong một thời gian để xem coi tôi có bệnh thần kinh không, sau cùng phải thốt lên: "Không phải thần kinh ông bệnh, mà chính tôi mới bệnh thần kinh đây". Hoàn toàn không có bất cứ dấu hiệu nào chứng tỏ tôi mắc phải cơn bại hoại cục bộ; tôi cũng không mắc bệnh tạng khí nào ở bao tử, dù bộ máy dạ dày tôi có yếu mệt đến đâu đi nữa thì có thể đó chỉ là hậu quả của việc làm việc quá độ thôi. Mắt tôi quá yếu, đôi lúc gần như mù, thực ra đó chỉ là hậu quả, chứ không phải nguyên do: mỗi khi sinh khí tôi được tăng trưởng lên thì thị quan tôi lại cũng được tăng cường lên.

Bao nhiêu năm lâu dài, chuỗi năm kéo dài lê thê cũng có nghĩa là cả thời gian lấy lại sức cho tôi; đồng thời thực là bất hạnh, cả thời gian ấy cũng có nghĩa là thụt lùi, sa sút, bại hoại, cơn tuần hoàn của một loại suy đồi nào đó. Nói như thế để rồi có cần thấy rằng tôi quả là *có kinh nghiệm* thực sự trong những vấn đề có liên hệ đến tính chất suy đồi, xuống dốc. Tôi có thể đánh vắn đủ mọi thiên hình vạn trạng của chứng suy đồi, sa đoạ, xuống dốc, đánh vắn lui, đánh vắn ngược. Ngay cả cái ngón nghề thuật "đậu chỉ vàng" trong việc lãnh hội, thông hiểu mọi sự một cách chung trọn, những ngón tay thần tình rờ rẫm những vẻ tinh vi sắc sảo (jene Finger für *nuances*), cái tâm lý thâm thấu tìm đến "vào những cạnh khoẻ" và bất cứ sắc thái nào khác biểu thị đặc tính của tôi, tôi đều học được vào giai đoạn xuống dốc ấy, đó là quà tặng thực sự của những ngày ấy, những ngày mà mọi sự đều trở nên tinh tế xảo diệu nhiều thêm lên, cả thể lực quan sát cũng như cả những quan năng quan sát đều tinh tường vi diệu thêm lên. Đứng nhìn từ thế đứng của kẻ bệnh hoạn ngó về những ý niệm và những giá trị lành mạnh khoẻ khoắn, rồi ngược lại đứng nhìn lại từ sức sống tràn trề tự tin của một đời sống *phong phú tràn lan* để phóng cái nhìn xoáy sâu vào động tác bí ẩn của bản năng xuống dốc, sa đoạ - về việc này quả thực tôi là kẻ được huấn luyện lâu dài nhất, đó là kinh nghiệm trung thực nhất của tôi, nếu tôi có làm thầy thiên hạ thì đó chính là điều tôi lão luyện hơn cả. Giờ đây tôi đã tinh nghề, đã đạt tới nghệ thuật *đạp đổ, quay lộn đầu lại mọi trục viễn thị (Perspektiven umzustellen)*. Đó là nền tảng duyên do đầu tiên (erster Grund) cắt nghĩa tại sao có lẽ chỉ có tôi mới có thể làm nổi việc "lật ngược lại những giá trị" (Umwertung der Werte).

II.

Ngoài cái việc tôi là một kẻ xuống dốc, tôi lại cũng là kẻ lên dốc. Bằng chứng của việc này là bản năng tôi vẫn luôn luôn chọn lựa những phương tiện thích ứng để trị những tâm thái chán chường khắc khoải của tôi, còn hạng người xuống dốc thì vẫn chọn lựa những phương sách có hại cho họ thôi. Chung chung trên hết mọi sự (*summa summarum*) tiên thiên tôi vốn mạnh khoẻ lành mạnh; dù đứng về mặt cạnh khoẻ đặc biệt thì tôi là kẻ xuống dốc. Cái tinh lực hăm hở chọn lựa sự cô đơn tuyệt đối, từ bỏ đời sống thói quen thông thường, việc cứng đầu bướng bỉnh không chịu để cho người ta săn sóc tôi, hầu hạ tôi, chiều chuộng chăm lo tôi - điều ấy biểu lộ một sự an vững tuyệt đối tận nơi bản năng về những gì tôi cần cho tôi trong giai đoạn xuống dốc ấy. Tự tay tôi lo lấy sức khoẻ tôi, tôi tự làm mình bình phục mạnh khoẻ lại: điều kiện khả dĩ làm được như thế - tất nhiên mọi nhà sinh lý học phải chịu công nhận đồng ý - là *mình phải lành mạnh ngay tận bản chất, tận nền tảng* (dass man im Grunde gesund ist). Hạng người bệnh hoạn thì không thể nào trở nên lành mạnh được, chứ nói chi đến việc tự trị bệnh cho lành. Đối với hạng người thực sự lành mạnh, ngược lại dù có bệnh đi nữa, thì đó chẳng qua là kích thích tố mãnh liệt hơn nữa để yêu đời, để sống tràn lan say sưa hơn nữa (ein energisches Stimulan zum Leben, zum Mehrleben sein). Đó là điều thực sự mà giai đoạn bệnh hoạn lâu dài ấy đã mở ra cho tôi một đời sống mới lạ hẳn, cả bản thân tôi cũng thay đổi mới nữa; tôi đã nếm được cả mùi vị những sự tuyệt vời bé nhỏ mà những kẻ khác khó ngửi nếm được như vậy, - tôi đã biến đổi ý chí

sống khỏe, vui sống của tôi trở thành một nền triết lý (Ich mache aus meinem Willen zur Gesundheit, zum Leben, meine Philosophie...)

Có một điều đáng ghi nhớ: chính trong những năm trời sinh khi tôi bị trời thấp nhất là lúc tôi không còn là kẻ bi quan nữa; cái bản năng tự tồn nội thủ (Sebst – Wiederherstellung) của tôi đã cảm đoán không cho tôi sống một thứ triết lý nghèo nàn chán nản. Điều gì căn bản nhất đã xui ta nhận ra một kẻ đạt thành công thiện? (Die Wohlgeratenheit!) Kẻ đạt thành công thiện là người làm phần khởi những cảm năng của chúng ta, hẩn là được tạo từ gỗ cứng, tế nhị, đồng thời toả hương ngào ngạt. Hẩn chỉ có khẩu vị đối với những gì tốt đẹp cho hẩn: cơn khoái cảm của hẩn, sự mê lạc của hẩn chấm dứt mỗi khi những gì tốt đẹp cho hẩn đã bị tràn lên quá độ lượng thích ứng. Hẩn có thể mò ra đâu là phương thuốc để trị lại những gì có hại cho hẩn; hẩn biến đổi mọi cơ sự trắc trở thành ra điều lợi cho hẩn, *những gì không giết được hẩn thì làm hẩn mạnh sức thêm lên* (Was ihn nicht umbringt, macht ihn stärker). Nghe theo bản năng, hẩn thu gặt tất cả những gì hẩn nhìn, nghe, sống, biến tất cả thành một tập đại thành của riêng hẩn (*seine Summe*): hẩn là một thứ nguyên lý tuyển lựa, hẩn vứt bỏ rất nhiều sự việc rườm rà nhảm nhí. Hẩn luôn luôn vẫn tự làm bạn với riêng hẩn, dù hẩn có lân la chi nữa với những quyền sách, những con người hoặc những phong cảnh; hẩn vinh thăng mọi sự qua việc chọn lựa, qua việc chấp thuận, qua việc tin cậy. Hẩn phản ứng rất chậm rãi đối với mọi loại kích thích tố, sự chậm rãi mà hẩn đã được nuôi dưỡng qua sự thận độc lâu dài và lòng kiêu hãnh cô ý: hẩn xem xét sự kích thích đang trờ tới đối mặt hẩn, không đối mặt lưng chừng nửa vời với sự kích thích ấy. Hẩn không tin vào "vận xui điều rủi" và cũng chẳng tin vào "tội lỗi phạm giới" hẩn biết cách thành việc tới nơi tới chốn với chính hẩn, với những kẻ khác; hẩn biết cách quên, quên hết - hẩn thừa đủ sức mạnh làm thế, vì thế mọi sự đều bị bắt buộc phải trở thành "hương trời lộc nước" cho đời hẩn (Er glaubt weder an "Unglück" noch an "Schuld": er wird fertig, mit sich, mit anderen, er weiss zu *vergessen*, er ist stark genug dass ihm alles zum Besten gereichen *muss*). Nhất định tôi phải là kẻ đối nghịch lại hạng người sa đọa xuống dốc vì tôi vừa mới vẽ cho thấy chân dung của chính tôi.

III.

Chuỗi kinh nghiệm nhị biên ấy, việc thấu đạt những cõi thế giới dường như tách biệt ấy đã được lặp lại trong bản tính tôi trong mọi dạng thái: tôi là cặp bài trùng của chính tôi (Doppelgänger) tôi có cái "diện mục thứ hai" cộng thêm vào cái thứ nhất. Và có lẽ có cả cái thứ ba nữa.

Ngay cả nguồn gốc sinh thành của tôi cũng ban cho tôi được cái nhìn vượt qua lên trên tất cả những gì có tính cách cục bộ, có tính cách giới hạn quốc gia: làm một "người châu Âu hảo hạng", thực sự chẳng khó gì đối với tôi. Trái lại, có lẽ tôi lại có đặc tính làm người Đức hơn những người Đức hiện nay, những kẻ chỉ biết làm công dân Đức của cái Đế quốc Đức này – *tôi*, một con người Đức cuối cùng *chống đối chính trị*. Thế nhưng tổ tiên tôi lại là những nhà quý tộc Ba Lan: tôi thừa hưởng được nhiều bản năng chủng tộc trong cơ thể tôi do sự phát nguồn ấy – ai biết được? Có lẽ tôi thừa hưởng cả quyền phủ nhận vô hạn chế (*liberum veto*)

Mỗi khi tôi du lịch giang hồ, tôi thường để ý nhiều khi thiên hạ tưởng tôi là một người Ba Lan, ngay cả những người Ba Lan chính công cũng nói chuyện tôi như nói với một người đồng tịch họ. Ít khi người ta coi tôi như người Đức, có lẽ dạng thái bên ngoài của tôi chỉ lún phún đôi chút võ vẽ Đức quốc. Thế nhưng mẹ tôi, Franziska Ochler, lại rất là Đức; cũng y hệt như bà nội tôi, Erdmuthe Krause. Bà sống

cả thời son trẻ ở giữa vùng Weimar cổ kính xinh đẹp, thường lui tới trong vòng thân hữu của Goethe. Anh của bà, giáo sư thần học Krause tại đại học Königsberg, được mời đến Weimar để làm quan tổng giám sau khi Herder chết. Chắc mẹ bà, bà cố nội tôi, đã được chàng trai trẻ Goethe nhắc đến trong tập nhật ký với tên là *Muthgen*. Bà kết hôn lần thứ hai với ông tổng giám ở Eilenburg, tên là Nietzsche; và trong năm chiến tranh 1813, ngày Napoléon tiến vào Eilenburg với toàn bộ tổng tham mưu của ông ta, vào ngày 10 tháng 10 thì bà lại sinh hạ. Vì vốn dòng máu Saxon cho nên bà rất sùng bái Napoléon, ngay cả tôi cho đến bây giờ cũng thừa hưởng sự tôn sùng ấy. Cha tôi ra đời năm 1813 và mất năm 1849. Trước khi nhận chức mục sư xứ đạo Röcken không xa Lützen, cha tôi đã sống đôi ba năm trong lâu đài Altenburg và dạy bốn công chúa ở đó. Học trò của cha tôi bây giờ trở thành hoàng hậu Hannover, đại công phi Constantin, đại công phi dòng Altenburg, và công chúa Therese von Sachsen – Altenburg, và cha tôi rất kính thờ vua Phổ Friedrich Wilhelm đệ tứ, chính nhờ vị vua ấy mà ông được địa vị mục sư; những biến cố 1848 đã làm ông đau đớn khôn xiết. Còn chính tôi, tôi ra đời vào sinh nhật của vị vua trên, vào ngày 15 tháng 10, do đó, tôi lại mang tên đầu là Friedrich Wilhelm dựa theo dòng Hohenzollern. Ít nhất cũng có một điều lợi cho việc chọn ngày sinh này: sinh nhật của tôi cũng là một ngày lễ suốt thời thơ trẻ tôi.

Có được một người cha như thế, tôi coi đó như là một ân huệ đầu tiên. Dường như điều này cũng cắt nghĩa bất cứ đặc ân nào mà tôi thọ hưởng được - chỉ trừ ra đời sống, cái việc chấp nhận vĩ đại của tôi đối với đời sống (das grosse Ja zum Leben). Trước hết, tôi được thọ hưởng đặc ân là tôi khỏi phải quyết định gì cả mà chỉ cần chờ đợi đúng thời trúng tiết thì có thể len vào một thế giới gồm đầy những sự việc cao cả tế nhị mà không phải cần cố ý chú tâm: tôi hoàn toàn cảm thấy thoải mái ở đấy, những nhiệt tình thâm kín của tôi chỉ trở thành tự do thư thái ở đó. Không phải là trả giá không xứng, cái việc tôi gần như đánh đổi đời mình để hưởng đặc ân ấy.

Muốn hiểu được bất cứ cái gì trong quyển *Zarathustra* của tôi thì có lẽ cần phải được ở trong những điều kiện giống như tôi, nghĩa là một bước đạp lên trên đời sống (mit einem Fuße *jenseits* des Lebens...)

IV.

Tôi không bao giờ hiểu được cái ngón xui khiến cho người ta có ác cảm với tôi – cũng chính điều này tôi đã thừa hưởng từ người cha vô song của tôi – ngay cả lúc dường như điều ấy cao giá đối với tôi – Ngay cả chính tôi, tôi cũng không xui cho tôi tự chống lại mình, dù việc này có vẻ phi-Ki-tô-giáo. Người ta có thể tráo qua, tráo lại cuộc đời tôi và rất hiếm thấy những dấu vết, họa hoàn hảo chỉ thấy một tí vết duy nhất khiến kẻ khác có ác cảm đối với tôi – nhưng trái lại có lẽ qua nhiều dấu vết thiện chí lân mẫn.

Ngay đến những kinh nghiệm của tôi đối với hạng người mà mọi người đều có kinh nghiệm không tốt, đều chứng tỏ thuận lợi cho họ và không ngoại trừ gì cả: Tôi có thể làm con gấu trở nên thuần; ngay đến thằng hề diễn trò, tôi cũng có thể khiến cho hắn xử sự cho đàng hoàng. Trong bảy năm trời tôi dạy tiếng Hy Lạp trong lớp cao đẳng tại Basel, tôi không bao giờ có dịp phạt rầy đứa học trò nào cả; ngay cả đứa lười biếng nhất cũng chịu học hành cần mẫn. Tôi vẫn luôn luôn với lên được ngang tầm mức với những sự kiện bất ngờ xảy đến; xuất kỳ bất ý, tôi vẫn làm chủ được bản thân mà không cần phải chuẩn bị (*Dem Zufall bin ich immer gewachsen; ich muss unvorbereitet sein, um meiner Herr zu sein*). Dù là dụng cụ nào đi nữa, dù nhạc cụ có lạc giọng sai điệu đi nữa, giống như chỉ có nhạc cụ "con người" là sai điệu lạc giọng đến thế. Tôi phải chịu đau chịu bệnh khi mà tôi không làm cho nó phát ra được một âm điệu nào đáng nghe hơn. Biết bao nhiêu lần chính những "nhạc cụ" ấy đã kể cho tôi nghe rằng chúng chưa bao giờ được tự nghe phát ra âm điệu như thế. Cũng như trường hợp hay ho nhất như Heinrich von Stein, chính chàng đã kể cho tôi nghe, chàng ấy chết quá sớm, cái chết yếu quá yếu không thể nào tha thứ được. Một lần nọ chàng đó nhã nhặn lễ độ xin phép đến đây, rồi xuất hiện ba ngày liền ở vùng Sils Maria, giải thích với mọi người rằng chàng không phải đến đây để nhìn ngắm rặng núi Engadine. Chàng trai thượng đẳng này, người đã sa chân trong đầm lầy của Wagner (và cả trong đầm lầy của Düring) với tất cả mộc mạc nồng nhiệt của hạng quý tộc nước Phổ, trong vòng ba ngày, chàng đã sống, đã hành động như một kẻ được chuyển hoá nhờ một cơn bão của sự tự do, giống như một kẻ bất thần được đưa lên chót vót tận tầm vóc cao lớn của mình và được mọc cánh. Tôi luôn luôn nói với chàng trai trẻ ấy rằng sở dĩ chàng được như thế là nhờ không khí cao ráo ở vùng này, mọi người đều được như thế ở đây, ở trên sáu ngàn thước Anh cao hơn Bayreuth không phải là không có ý nghĩa – nhưng chàng vẫn không chịu tin tôi.

Thế dù nếu có những thứ ô danh ô nhục nhỏ lớn nào đã qui tập vào tôi thì "ý tính" (*der Wille*) không thể chịu qui trách được về việc ấy, nhất là không thể đổ lỗi cho may mắn ác ý nào cả: họa hoàn tôi có phần nản chẳng thì chỉ phần nản về điều trái ngược lại – tôi đã gợi ý rồi – về thiện ý quá trớn, cái thiện ý đã tác hại không ít trong đời tôi. Bao nhiêu kinh nghiệm của tôi đã cho phép tôi có đủ uy tín để ngờ vực hoàn toàn về những xung động gọi là "vô vị kỷ", về mọi thứ "tình thương đối với hạng người cận mình", cái thứ tình cảm luôn luôn sẵn sàng khuyên răn, cứu giúp, "dấn thân". Đối với tôi điều ấy vẫn luôn luôn là một sự việc không có khả năng chống chế lại sự khích động: lòng thương hại (*Mitleiden*) chỉ được coi là một đức tính, đức hạnh (*Tugend*) đối với hạng người sa đọa xuống dốc (*das Mitleiden heisst nur bei *décadents* eine Tugend*). Tôi phiền trách những kẻ nào đầy lòng thương hại, vì họ dễ đánh mất cảm thức về sự hổ thẹn (tính liêm sỉ), sự kính trọng, sự bén nhảy về những khoảng cách (*das Zartgefühl vor Distanzen*); trước khi mình ý thức được sự việc thì trong lòng thương hại đã bắt đầu bốc mùi tiện dân khó ngửi, và thực sự khó mà phân biệt với thái độ thiếu tư cách, thô lỗ, lắm lúc chính trong những trường hợp ấy, những bàn tay thương hại có thể xông xáo chen phá một

cách tai hại vào trong một tính mệnh vĩ đại, trong nỗi cô đơn lớn dần của những vết thương, trong đặc quyền phạm tội to lớn (dass mitleidige Haende unter Umstaenden geradezu zerstorerisch in ein grosses Schicksal, in eine Vereinsamung unter Wunden, in eine *Vorrecht* auf schwere Schuld hineingreifen können). Việc chiến thắng lòng thương hại (Die Überwindung des Mitleids) tôi vẫn sắp vào loại đức tính cao thượng quý phái (die *vornehmen* Tugenden): như trường hợp nói về "Nỗi căm dỗ đối với Zarathustra", tôi đã bày ra một hoàn cảnh mà tiếng kêu la thống thiết đã vang động đến tai Zarathustra, tiếng kêu la thống khổ ấy đánh dậy lòng thương hại chàng, lòng thương hại ấy tấn công chàng như một tội lỗi cuối cùng, xui khiến và kéo lôi chàng tách rời ra khỏi chính chàng (ihn von sich abspenstig machen will). Vẫn làm chủ được mình trong những cơ sự như thế, vẫn giữ gìn *sự cao cả* của sứ mạng mình cho được trong sạch, không để cho vấy bùn trước bao nhiêu cơn xung động thấp hèn mù quáng tác động qua những hành vi gọi là "vô vị kỷ", đó mới chính là sự thử thách, có lẽ là sự thử thách tối cao mà một người như Zarathustra phải chịu trải qua - chứng cứ thực sự tỏ bày sức mạnh của chàng (Hier Herr bleiben, hier die Höhe seiner Aufgabe rein halten von den viel niedrigeren und kurzsichtigeren Antrieben, welche in den sogenannten selbstlosen Handlungen tätig sind, das ist die Probe, die letzte Probe vielleicht, die ein Zarathustra abzulegen hat - sein eigentlicher *Beweis* von Kraft...)

V.

Có một điển khác mà tôi lại cũng hoàn toàn giống cha tôi thêm một lần nữa, nghĩa là tôi tiếp tục sống cuộc đời kéo dài thêm lên sau cái chết yểu của ông. Giống như bất cứ kẻ nào chưa bao giờ được sống giữa loài người đồng hạng đồng đẳng với mình và nhận thấy rằng ý tưởng "trả thù" cũng như ý tưởng "bình quyền" đều xa lạ với mình, tôi tự cấm chế không cho mình trả đũa, trả miếng, tự phòng, ngay cả những trường hợp mà sự tự vệ, sự "biện minh" là hợp lý mà tôi cũng tự cấm chế, những trường hợp mà người ta phạm ít nhiều xuẩn động ngu dại đối với tôi. Cách trả đũa của tôi là nhanh chóng trả lại một sự ngu xuẩn của thiên hạ bằng một cái thông minh của mình: đó là cách duy nhất tiếp ứng kịp thời. Nói theo lối ẩn dụ gợi ảnh thì tôi gửi một lọ mứt ngọt cho kẻ thù để giải tan uất hận cay đắng.

Người ta chỉ cần đối xử vì tiện với tôi thì tôi "trả lại" ngay - nhất định chắc chắn là tôi tìm dịp để tỏ ơn đối với "kẻ ti tiện" (đôi khi cả đối với ác nghiệp của hắn) hoặc là van hỏi cầu xin hắn một điều gì đó, việc này lại có thể khiến mình chịu lép hơn là việc ban cho trao tặng một cái gì đó (oder ihn um etwas zu *bitten*, was verbindlicher sein kann als etwas geben...)

Đối với tôi dường như lời lẽ thô bạo nhất, thư từ thô lỗ nhất vẫn còn dễ chịu hơn là câm lặng, ngậm miệng. Những kẻ nào ngậm miệng thì gần như vẫn luôn luôn thiếu tế nhị và lễ độ tâm hồn. Sự ngậm miệng câm lời là cãi bác, phản đối; chỉ vì biết có việc nuốt vào bụng thôi cho nên tính tình trở nên cay đắng chanh chua khó chịu - việc ấy rất có hại cho bao tử. Tất cả những kẻ câm hơi lạnh tiếng đều mắc bệnh khó tiêu.

Đây các ngài thấy rằng tôi không muốn sự xác xược thô lỗ bị đánh giá quá thấp (ich möchte die Grobheit nicht unterschätzt wissen): đó chính là hình thức đầy nhân đạo nhất của sự mâu thuẫn mà giữa thời yếu đuối "đàn bà sụt mướt" này (inmitten der modernen Verzärtelung) thì sự xác xược thô lỗ là một trong những đức tính tối thượng của chúng ta.

Nếu mình đủ giàu sang tâm hồn để làm một việc như thế thì dù có làm bậy làm quấy thì cũng là điều may mắn hên nữa (Wenn man reich genug dazu ist, ist es selbst ein Glück, unrecht zu haben). Một bậc thần linh có xuống trần thì chỉ nên làm điều gỡ điều bậy: không rước sự hành phạt nào vào mình mà chỉ chu mang sự phạm tội, đó mới là thần linh thiêng liêng đúng nghĩa (Ein Gott, der auf die Erde kämme, dürfte gar nichts anderes tun als Unrecht – nicht die Strafe, sondern die Schuld auf sich zu nehmen wäre erst göttlich).

VI.

Giải thoát khỏi lòng di oán phần hận, giác ngộ về lòng di oán phần hận (die Freiheit vom Ressentiment, die Aufklärung über das Ressentiment) ngay cả phương diện này, có ai hiểu rằng tôi đã mang nợ chịu ơn rất nhiều vào cơn đau bệnh kéo dài của tôi! Vấn đề này thực ra không giản dị: mình phải có kinh nghiệm về nó ngay trong lúc mình mạnh khỏe và cả ngay lúc mình yếu đuối bạc nhược. Sở dĩ có gì đáng đem ra chống đối lại việc bệnh hoạn yếu đuối bạc nhược là vì bản năng trị liệu thực thụ của mình, bản năng vũ lực đấu kháng của mình bị hao mòn liệt bại (das ist der *Wehr- und Waffen-Instinkt* im Menschen mürbe wird). Mình không còn vút bỏ gì được đi cả, mình không còn bình phục được gì nữa cả, mình không còn cự tuyệt gì được nữa - Tất cả mọi sự đều làm tổn thương mình. Bao nhiêu người và vật đều thúc ép ma sát; bao nhiêu kinh nghiệm đập vào mình quá sâu đậm; trí nhớ trở thành một vết thương mưng mủ. Chính cơn đau bệnh là một loại di oán phần hận.

Để chống đối lại mọi sự ấy, kẻ đau bệnh chỉ còn có một phương thuốc lớn: tôi gọi phương thuốc ấy là *tinh thần qui thuận vận mệnh theo kiểu dân Nga* (russischen Fatalismus), thứ tinh thần không còn biết nổi loạn, như trường hợp một người lính Nga, khi cảm thấy việc đánh trận quá sức chịu đựng, liền đành nằm vui mình trong tuyết phủ. Không còn chấp nhận gì được nữa cả, không còn nhận lấy gì nữa cả, không còn thu hút gì nữa cả - chấm dứt hoàn toàn mọi phản ứng.

Tinh thần qui thuận số mệnh này không phải luôn luôn chỉ là lòng can đảm dám chết, tinh thần ấy cũng bảo tồn sự sống dưới những điều kiện gian nan nhất bằng cách tiết giảm cơ độ chuyển biến trong cơ thể, làm nó hoạt động chậm lại giống như ý chí tê liệt muốn trú ẩn qua tiết đông lạnh. Xô đẩy lý luận này thêm đôi bước nữa thì chúng ta thấy tinh thần của lão pháp thuật fakir Ấn Độ nằm ngủ cả tuần lễ trong mồ mả.

Nếu mình có phản ứng chi thì mình chỉ phải làm hao tổn bản thân mau chóng thôi, cho nên mình không còn phản ứng gì nữa cả: mình lý luận như thế. Không có gì thiêu đốt mình nhanh chóng cho bằng những tác động của lòng di oán phần hận.

Sự căm giận, tính mẫn cảm bệnh hoạn, sự bất lực trong việc ham muốn trả thù, khao khát trả đũa, bao nhiêu cay cú tẩm độc, không có loại phản ứng nào tác hại hơn đối với hạng người kiệt lực bại liệt: những tác động đại loại như thế làm tiêu hao nhanh chóng tinh lực thần kinh hệ, gây thêm sự bài tiết tai hại - chẳng hạn như nước mật nhiễm vào bao tử. Lòng phần hận di oán mới là điều tối kỵ đối với hạng người bệnh hoạn, đó là điều khốc hại đặc thù của hạng người bệnh hoạn, nhưng quả là vô phúc hơn nữa đó lại là xu hướng tự nhiên nhất của hạng người ấy.

Đức Phật, nhà sinh học sâu thẳm, đã liễu ngộ hết mọi sự ấy. "Tôn giáo" của ngài đáng lẽ phải được gọi

là một loại "vệ sinh pháp" để cho người ta đừng lâm lẩn với những hiện tượng đáng thương hại như Ki tô giáo: sự công hiệu của Phật pháp được thể hiện trong việc chiến thắng lòng phần hận di oán (Das Begriff jener tiefe Physiologie Buddha. Seine "Religion" die man besser als eine *Hygiene* bezeichnen duerfte, um sie nicht mit so erbarmungswürdigen Dingen wie das Christentum ist, zu vermischen, machte ihre Wirkung abhängig von Sieg über das Ressentiment).

Giải thoát tâm hồn khỏi sự di oán phần hận là bước đầu hướng về sự lành bệnh. "*Không phải sự oán thù cừu địch được chấm dứt bằng sự oán thù cừu địch; sự oán thù cừu địch chỉ được chấm dứt bằng tình thương huynh đệ*": những lời này phát ra ngay sự chuyển pháp luân của đức Phật (die Seele davon frei machen – erster Schritt zur Genesung. "Nicht durch Feindschaft kommt Feindschaft zu Ende": das steht am Anfang der Lehre Buddhas). Đây không phải luận lý học đang lên tiếng nói.

Thoát thai từ sự yếu đuối bạc nhược, lòng di oán phần hận là điều tác hại nhất đối với chính hạng người yếu đuối. Trái lại, đặt vào trường hợp của một người có bản chất phong phú thì đó chỉ là một cảm giác *thừa thãi*; khi mình làm chủ được, áp phục được cảm giác này thì đó chính là điều chứng tỏ được sự phong phú giàu sang của tâm hồn mình. Kẻ nào hiểu được mức độ trang trọng nghiêm chỉnh mà triết lý của tôi đã từng tiếp tục việc phản kháng chiến đấu chống lại sự trả thù và lòng oán hận, ngay cả sự chiến đấu đi vào ngay trong lòng lý thuyết của "ý chí tự do" - sự chiến đấu chống lại Ki tô giáo chỉ là một trường hợp đặc biệt của việc chiến đấu rộng lớn này – thì sẽ hiểu được lý do tại sao tôi lại làm nổi bật lên thái độ xử thế của riêng tôi, tính cách vững vàng của bản năng tôi trong hành động thực tiễn. Trong thời gian bị sa đọa xuống dốc, tôi đã tự cấm chế không để những cảm giác di oán tác hại mình; rồi vừa khi sinh lực tôi được phục hồi lại giàu sang tràn trề thì tôi cũng đủ kiêu hãnh để tự cấm chế không cho mình bị rơi vào những cảm giác được coi như ở dưới thấp, quá thấp dưới mình. Trong thời gian ấy, tôi đã dần trải cái "tinh thần qui thuận vận mệnh theo kiểu Nga" kia bằng cách bám víu trong bao nhiêu năm dài, bám riết bấu chặt bướng bỉnh vào những hoàn cảnh những nơi chốn, những gian phòng, việc họp mặt, tất cả những thứ gần như không thể chịu đựng nổi ấy, chỉ vì chúng xảy đến cho tôi một cách bất ngờ: vậy mà như thế thì còn hơn cảm thấy rằng chúng có thể thay đổi khác đi – còn hơn là nổi loạn chống đối lại chúng.

Bất cứ những cố gắng nào quấy rầy tôi trong giai đoạn qui thuận vận mệnh ấy, để cưỡng bức đánh thức tôi dậy, đều làm tôi bức bối khó chịu chết đi được – và thực ra lúc nào sự việc ấy cũng đều là nguy hiểm đến tính mệnh tôi.

Tự chấp nhận mình như vận mệnh đùn đẩy, không hề muốn mình đổi "khác" đi trong những trường hợp như thế thì đó mới chính là đại trí (sich selbst wie ein Fatum nehmen, nicht sich "anders" wollen, das ist in solchen Zuständen die *grosse Vernunft* selbst).

VII.

Chiến tranh lại là một sự việc nữa. Tôi vốn hiếu chiến ngay từ bản chất. Tấn công mọi sự vốn là một trong những bản năng của tôi. Có *khả năng* làm một kẻ thù, là một kẻ thù của mọi người, điều này đòi hỏi trước tiên mình phải có một bản chất mãnh liệt: trong bất cứ trường hợp nào điều này vẫn là thuộc hữu của tất cả mọi bản chất mãnh liệt, tư chất mạnh bạo này cần phải có những đối tượng để đối kháng; vì thế nó cứ tìm kiếm phan phui cho ra điều đối kháng: cảm thức nồng nhiệt *hiếu chiến* là thuộc hữu tất nhiên của sức mạnh giống như sự trả thù oán hận là thuộc hữu của sự yếu đuối. Chẳng hạn như đàn bà vốn hay có tính trả thù: điều này xuất phát từ sự yếu đuối của họ, giống như tình khí dễ xúc động của họ đối với sự thống khổ của những kẻ khác.

Sức mạnh của kẻ tấn công có thể được lấy tiêu chuẩn từ sự chống đối mà họ đòi hỏi: mọi sự trưởng thành đều được biểu lộ tỏ bày trong việc tìm kiếm một đối thủ hùng mạnh hoặc một vấn đề mãnh liệt, vì đối với mọi triết gia hiếu chiến thì hẳn thách thức những vấn đề để đánh một trận giao tranh tay đôi. Bốn phận không phải là chỉ thắng được, làm chủ được những gì đối kháng mình, mà những gì đòi hỏi mình phải liều lĩnh biểu dương tất cả những sức mạnh, tất cả sự uyển chuyển và tài chiến đấu của chúng ta - để giao tranh với những đối thủ đồng hạng với mình.

Đồng hạng với kẻ thù: đó là điều kiện đầu tiên của một cuộc đọ kiếm tay đôi có tính cách liêm sỉ trung chính. Nơi nào mình cảm thấy khinh bỉ địch thủ thì mình không thể khai chiến được; nơi nào mình thống trị, đứng ở thế hơn người thì mình không làm cái việc khai chiến được.

Sự đánh trận của tôi, "chiến dụng" của tôi có thể đúc lại trong bốn mệnh đề.

Thứ nhất: tôi chỉ tấn công những phe nào thắng thế, tôi sẵn sàng chờ đợi cho đến khi nào phe ấy trở nên thắng thế.

Thứ hai: tôi chỉ tấn công những phe nào mà tôi không thể tìm được đồng minh với mình để mà tôi đứng đơn độc, đứng một mình trong trận chiến - để mà tôi chỉ tự chịu lụy thôi - tôi không bao giờ dấn bước công khai nào mà lại không can hệ tới bản thân tôi thôi: đó là tiêu chuẩn của tôi để đánh giá chính nghiệp của mình.

Thứ ba: tôi không bao giờ tấn công cá nhân; tôi chỉ tự cho phép mình hành sự khi nào tôi coi cá nhân ấy như một thứ kính hiển vi khả dĩ giúp cho mình thấy được một nguy cơ rộng lớn tràn lan trơn trượt, khó nhận. Vì thế tôi đã tấn công David Strauss, đúng hơn: tấn công *sự thành công* của một quyền sách già nua suy nhược đối với giới "văn hoá tri thức" ở Đức: tôi đã bắt được quả tang cái thứ văn hoá tri thức ấy. Vì thế tôi đã tấn công Wagner, đúng hơn: tấn công sự hư nguy, giả dối, bản năng ngợm ngợm của nền "văn hoá" chúng ta, làm lẫn sự tế nhị với sự phú quý, sự quá thời với sự vĩ đại.

Thứ tư: tôi chỉ tấn công những gì mà không dính dáng tới cuộc đời tranh luận cá nhân, không liên hệ gì tới hậu cảnh của những kinh nghiệm bi ối. Ngược lại, trong trường hợp tôi, sự tấn công là chứng có của thiện chí, đôi khi của cả sự tạ ơn nữa (Im Gegenteil, angreifen ist bei mir ein Beweis des Wohlwollens, unter Umständen der Dankbarkeit). Tôi làm vinh hạnh, tôi làm nổi bật mọi sự bằng cách gắn liền tên của tôi với tên của một phe phái hoặc một cá nhân nào đó: chống đối hay cổ vũ - tôi

không bận tâm đến điểm này. Khi tôi khai chiến với Ky tô giáo thì tôi đủ điều kiện để làm thế vì tôi không bao giờ phải chịu những kinh nghiệm đau thương chua xót do Ki tô giáo gây ra – những kẻ theo đạo Gia Tô nghiêm chỉnh nhất đều vẫn đối xử đẹp lòng với tôi. Chính tôi, kẻ thù quyết liệt nhất của Ki tô giáo, không hề thống trách đổ tội vào những cá nhân vì cái tai họa hàng ngàn kiếp ấy.

VIII.

Tôi có nên mạo muội phác họa thêm một nét cuối cùng của bản tính tôi, cái dị tính đã tạo nhiều khó khăn cho tôi khi giao tiếp với những người khác? Cái bản năng ưa thích sự sạch sẽ của tôi có đặc tính là vô cùng nhạy cảm, nhạy cảm một cách dị thường đến nỗi tôi có thể trực nhận về mặt sinh lý, *ngửi ra* ngay gần sát bên hoặc – tôi nói gì? – ngửi ra ngay những gì sâu kín, "lòng dạ gan ruột" của mọi tâm hồn.

Tính nhạy cảm dị biệt này đã cung cấp cho tôi những dây "ăng ten" tâm lý mà nhờ thế tôi có thể cảm nhận tóm lấy mọi điều bí ẩn: bùn lầy dơ bẩn *ẩn giấu* tận nơi đáy lòng của bao nhiêu tâm tính – mà có lẽ đó là kết quả của máu xấu, nhưng được sự giáo dục sơn phết lộng lẫy lên trên – ý thức của tôi đã tóm lấy bùn lầy dơ bẩn ấy ngay vừa lúc sơ ngộ. Nếu việc quan sát của tôi không lường gạt tôi thì những tâm tính xúc chạm đến cả cảm thức sạch sẽ của tôi cũng phải cảm thấy bên phía họ rằng tôi còn giữ lại sự khinh tởm nào đối với họ - và điều này tất nhiên không làm cho họ có được mùi vị nào hơn lên.

Như thói quen thường lệ - sự trong sạch thuần khiết với tôi là điều kiện tiền lập của cuộc sống tôi (eine extreme Lauterkeit gegen mich ist meine Daseins Voraussetzung), tôi chết mất dưới những điều kiện hoàn cảnh không sạch – tôi vẫn thường bơi lội, tắm, vầy nước, đắm nhào trong nước, hoặc trong nguyên tố thuần khiết rạng rỡ nào đó. Do đó, sự giao tiếp của tôi đối với người đời vẫn tác động không ít đến lòng kiên nhẫn của tôi: lòng nhân của tôi không phải là ở nơi việc đồng cảm với thể cách của bản chất con người mà lại là *chịu đựng* cảm thức của tôi đối với họ (meine Humanität besteht nicht darin, mitzufühlen, wie der Mensch ist, sondern es *auszuhalten*, dass ich ihn mitfühle...)

Lòng nhân từ của tôi là một sự tự chiến thắng thường hằng (Mein Humanität ist eine beständige Selbstüberwindung).

Nhưng tôi cần sự cô đơn – nghĩa là, phục hồi sức lực, trở về với bản thân, hơi thở của không khí tươi mát, nhẹ nhàng, phóng khoáng, nô đùa (Aber ich habe *Einsamkeit* nötig, will sagen, Genesung, Rückkehr zu mir, den Atem einer freien leichten spielenden Luft...)

Trọn vẹn tác phẩm *Zarathustra* của tôi là một bài ca chúc tụng sự cô đơn hay, nếu người ta hiểu tôi hơn, đó là bài tán ca về *sự sạch sẽ* - chứ không phải về sự ngu dại thuần túy – *Nôn mưa chán ngán* về loài người, về loại "hạ dân", điều này vẫn là mối hiểm nguy lớn nhất của tôi (Der Ekel am Menschen, am "Gesindel" war immer meine grösste Gefahr...) Các ngài có muốn nghe lời nói của Zarathustra về việc giải thoát khỏi việc nôn mưa chán tởm? (Von der Erlösung vom Ekel).

"Những gì đã xảy đến cho ta? Làm thế nào ta có thể tự giải thoát khỏi sự nôn mưa chán ngán ghê tởm? (wie erlöste ich mich vom Ekel) Ai hồi xuân lại cái nhìn của ta? Làm thế nào ta bay lên được vùng

non cao tuyệt đỉnh mà không có loại hạ dân nào còn ngồi bên giếng nước? Có phải chính sự nôn mửa chán ngán của ta đã tạo ra đôi cánh bay cho ta và những thần lực tiên tri suối nước? Thực thế, ta phải cất cánh tung bay lên tuyệt đỉnh cao ngất mới tìm lại được suối nguồn khoái cảm.

Ồ, ta đã tìm được rồi, hỡi anh em của ta ơi! Nơi đây, nơi vùng tuyệt cao ngất đỉnh, suối nguồn khoái cảm chảy lại cho ta! Và đây là cuộc sống mà loại hạ dân không còn đến uống bên cạnh ta! Hỡi suối nguồn khoái cảm, mi chảy cho ta tuôn trào ào ạt quá. Và thường khi mi đổ hết ly tách ra đê rồi muốn rót lại cho đầy. Và ta vẫn phải còn học cách đi đến mi một cách khiêm tốn hơn: tim ta vẫn hãy còn muốn nhảy táo tợn mãnh liệt đến mi – tim ta mà mùa hạ của ta đốt cháy trên đó, ngán, nóng, buồn, mê ngất đi: ôi sao trái tim mùa hạ của ta thêm khát sự tươi mát của mi (mein Herz, auf dem mein Sommer brennt, der kurze, heisse, schwermütige, überselige: wie verlangt mein Sommerherz nach deiner Kühle!)

Đã qua rồi nỗi thê thảm lưỡng lự của mùa xuân ta! (Vorbei die zögernde Trübsal meines Frühlings!) Đã qua rồi những bông tuyết của tháng Sáu âm hiểm. Ta đã trở thành mùa hạ hoàn toàn, trở thành buổi trưa mùa hạ! (Sommer wurde ich ganz und Sommer-Mittag).

Một mùa hạ trên những vùng đỉnh cao ngậy ngất với những giếng nước lạnh và tiềm ẩn im lặng mê ly: ồ, hỡi bằng hữu của ta, hãy đến, hãy đến để cho niềm im lặng có thể trở thành mê ly hơn nữa! (ein Sommer im Höchsten mit kalten Quellen und seliger Stille: O kommt, meine Freunde, dass die Stille noch seliger werde?)

Và đây mới là đỉnh cao *của chúng ta* và quê hương của chúng ta (Denn dies ist unsre Höhe und unsre Heimat): nơi đây chúng ta sống quá cao, cao quá và dốc đứng quá hiểm trở, vượt ra ngoài tầm với của họ, của hạng người dơ bẩn và sự thèm khát của họ. Hỡi bằng hữu của ta, hãy ném cái nhìn trong sạch của các người vào trong lòng giếng khoái cảm! Làm thế nào có thể làm nước vẫn đục được? Giếng nước sẽ cười dội ngược lại các người với tất cả ánh ngời trong trẻo thuần khiết của nó (Entgegenlachen soll er euch mit *seiner* Reinheit)

Trên ngọn cây kia, Tương Lai, chúng ta xây tổ ấm (Auf dem Baume Zukunft bauen wir unser Nest); và trong nỗi cô đơn của chúng ta, những con ó sẽ đem thức ăn đến ta từ ngay mỏ của chúng! (Adler sollen uns Einsamen Spelse bringen in ihren Schnäbeln!) Thực thế, những kẻ dơ bẩn không thể chia sẻ thức ăn lấy được: họ sẽ nghĩ rằng họ nuốt lửa và miệng họ sẽ bị đốt cháy!

Thực thế, chúng ta không dành nơi trú ẩn ở đây cho hạng người dơ bẩn: cơn khoái lạc của chúng ta sẽ là động tuyết lạnh phủ lấp thân thể và thần trí họ.

Và chúng ta muốn sống đè trên họ như những cơn gió mạnh, chúng ta làm kẻ hàng xóm với những con ó, xóm giếng với tuyết lạnh, láng giếng với mặt trời: những cơn gió mạnh đều sống như thế (Und wie starke Winde wollen wir über ihnen leben, Nachbarn den Adlern, Nachbarn dem Schnee, Nachbarn der Sonne: also leben starke Winde). Và giống như một cơn gió lốc, ta lại muốn thổi quét họ một ngày nào đó, và với thần hồn của ta, ta sẽ cần quét mất hơi thở của thần trí họ: tương lai của ta muốn thể (und einem Winde gleich will ich einst noch zwischen sie blasen und mit meinem Geiste ihrem Geiste den Atem nehmen: so will es meine Zukunft).

Thật thế, Zarathustra đúng là một cơn gió lốc đối với tất cả kẻ nào thấp hèn đề tiện và ta xin khuyên
răn tất cả những kẻ thù của Zarathustra, tất cả những kẻ nào muốn khạc nhổ: Hãy coi chừng, đừng bao
giờ khạc nhổ ngược lại gió lốc! (Wahrlich, ein starker Wind ist Zarathustra allen Niederungen: und
solchen Rat rät er seinen Feinden und allem, was spuckt und speit: hütet euch, *gegen* den Wind zu
speien!)

^[1]Nguyên tác đáng ghi nhớ: Jede Errungenschaft jede Schritt vorwaerts in der Erkenntnis folgt aus
dem Mut, aus der Härte gegen sich, aus der Sauberkeit gegen sich...

^[2]Nitimur in vetitum, câu này Nietzsche trích từ *Amores*, III, 4, 17, của Ovid có nghĩa “chúng ta ngóng
vọng đến những điều kiêng cấm” (C.T.D.G.)

Tại sao tôi lạnh trí như thế (Warum ich so klug bin)

I.

Tại sao tôi còn hiểu biết thêm đôi điều thâm thúy hơn nữa? Tại sao tôi hoàn toàn lạnh trí như thế? Tôi không bao giờ suy gẫm về những vấn đề mà thực sự không phải là những vấn đề suy ngẫm (Ich habe nie über Fragen nachgedacht, die keine sind) – tôi không bao giờ chịu hoang phí bản thân như vậy.

Chẳng hạn như những vấn nạn gian nan thực sự có tính cách *tôn giáo*, tôi không hề biết đến chúng bằng kinh nghiệm mình. Thế nào là bị "mang tội" thực sự hoàn toàn điều này vượt hẳn ra ngoài ý thức tôi. Cũng thế, tôi thiếu hẳn tiêu chuẩn đáng tin cậy để nhận ra sự cần rút lương tri: theo như những gì thiên hạ nghe nói về sự cần rút ấy, quả thực cần rút lương tri không hề có vẻ gì đáng kính trọng đối với tôi, tôi xem thường nó quá đi (Scheint mir ein Gewissensbiss nichts Achtbares)

Tôi không muốn bỏ một hành động trong cơ sự lúng túng *sau đó, sau khi đã hành sự xong*; tôi vẫn thích để cho mình loại trừ kết quả xấu, *hậu quả* ra khỏi vấn đề giá trị, coi như đó là vấn đề nguyên tắc. Phải chịu đối mặt với một kết quả xấu thì mình dễ đánh mất dễ dàng nhãn giới *chính xác* đối với những gì mình đã làm: đối với sự cần rút lương tri quả là một loại "xấu vía", "gai mắt". Cần giữ cho được vinh hiển hơn nữa điều thất bại trong lòng mình, chỉ vì nó thất bại – điều này thuận ứng với tinh thần đạo đức của tôi hơn (Etwas, das fehlschlägt, um so mehr bei sich in Ehren halten, weil es fehlschlug – das gehört eher schon zu meiner Moral).

"Thượng đế", "sự bất tử của linh hồn", "sự cứu rỗi", "cõi trên kia" – không cần ngoại trừ gì cả, đó là những ý niệm mà tôi không bao giờ bận tâm đến, không mất giờ để tìm hiểu chúng, ngay cả lúc tôi còn bé nhỏ thơ dại. Có lẽ tôi không từng bao giờ có đủ tính trẻ con để hiểu chúng?

Cũng không vì thế mà tôi biết đến thứ chủ nghĩa vô thần, biết đến như một hậu quả tất nhiên, ít nhất biết đến như một biến cố: vô thần là một việc tự nhiên đối với tôi, ngay từ bản năng. Tôi vốn có tính quá thâm sát, quá khả vấn, quá tràn lan cao ngạo phong phú để có thể chịu nổi bất cứ sự giải đáp thô thiển nào (Ich bin zu neugierig, zu *fragwürdig*, zu übermütig, um mir eine faustgrobe Antwort gefallen zu lassen). Thượng đế là một sự giải đáp thô thiển, một cử chỉ thô bỉ chống lại chúng ta, những tư tưởng gia (Gott ist eine faustgrobe Antwort, eine Undelicatesse gegen uns Denker) - tận nơi nền tảng, đó chỉ là sự cấm đoán thô thiển đối với chúng ta: *cấm tư tưởng!* (Im Grunde sogar bloss ein faustgrobes Verbot an uns: Ihr sollt nicht denken!...)

Thực ra có một vấn đề tôi chú tâm nhiều hơn cả, "sự cứu rỗi của nhân loại" lại tùy thuộc vào vấn đề ấy hơn thị hiếu cầu kỳ của bất cứ nhà thần học nào khác: đó là vấn đề dinh dưỡng. Theo lối sử dụng ngôn ngữ thông thường, mình có thể đặt phương thức như vậy: "làm thế nào *các ngài*, sống ở đời, phải ăn uống để có được tối đa sức khỏe, đức tính tu my cao cường, *virtù*, theo điều thời Phục Hưng, đức tính mà không có thứ nọc đạo đức luân lý (von moralfreier Tugend)?"

Những kinh nghiệm của tôi trong vấn đề này quá là tệ hại khôn cùng, tôi rất ngạc nhiên rằng tôi biết được vấn đề này quá trễ nải, tôi học được "lý lẽ" quá muộn về những kinh nghiệm này. Chỉ có sự vô

giá trị triệt để của nền giáo dục Đức quốc chúng ta – tính cách "duy tâm lý niệm" của nó – mới giải thích được cho tôi thấy rõ lý do tại sao ở điểm này tôi quá chậm tiến đến độ như thánh không bằng. "Nền giáo dục" này ngay từ đầu dạy mình bỏ quên *những thực tại* và theo đuổi những mục đích gọi là "lý tưởng" – một nền "giáo dục cổ điển" chẳng hạn – làm như là ngay từ đầu có thể kết hợp dễ dàng "cổ điển" và "Đức quốc" trong chỉ một ý niệm đơn độc thôi! Hơn thế nữa, thực là buồn cười: chỉ cần tưởng tượng hình dung một con người "được giáo dục theo đường lối cổ điển" với một giọng nói địa phương vùng Leipzig!

Thực thế, cho mãi đến khi trưởng thành thì tôi vẫn phải luôn luôn ăn uống một cách tệ hại: nói theo điệu luân lý thì một cách "phi nhân ngã", "vô vị kỷ", "vị tha" – nói thế để đẹp lòng những tay bếp và những kẻ Ki tô giáo khác.

Vì ăn uống theo cách nấu ăn kiểu thành phố Leipzig, cho nên tôi đã phủ nhận "ý chí ham sống" (sinh ý) của tôi trong thời gian tôi đọc Schopenhauer vào lần đầu tiên (1865). Làm đảo lộn phiền rầy bao tử vì thiếu cách dinh dưỡng đúng mức – vấn đề này, đối với tôi, dường như đã được giải quyết tuyệt hảo nhờ lối nấu ăn đã kể trên. (Người ta cho rằng năm 1866 đã đem đến một sự biến đổi về mặt này) Nhưng cách nấu ăn người Đức đại khái (sao mà lương tâm họ không thấy khó chịu!) ăn soupe trước mỗi buổi ăn (ở thế kỷ XVI, những quyển sách nấu ăn ở Venise còn gọi món ấy là alla tedesca: "theo kiểu người Đức"); thịt nấu quá độ, rau cải luộc với mỡ và bột, bánh ngọt nặng như đồ đẽ giấy! Rồi lại gia thêm cái tật xấu uống rượu sau mỗi bữa - thế thì các ngài có thể hiểu được nguồn gốc căn cội của *tinh thần Đức quốc* - thứ tinh thần xuất phát từ bệnh đau ruột.

Tinh thần Đức quốc là thứ bệnh ăn không tiêu: thứ tinh thần này chẳng làm nên tích sự gì cả (Der deutsche Geist ist eine Indigestion, er wird mit nichts fertig).

Nhưng cái lối ăn uống của người Ăng lê – so với lối ăn Đức và ngay cả Pháp là một thứ "trở về thiên nhiên", nghĩa là: trở về ăn thịt người – hoàn toàn trái lộn với bản năng của tôi: đối với tôi, dường như lối ăn uống ấy chỉ đem những bước chân nặng nhọc cho tinh thần – cái loại khệnh chân của những mục đàn bà Ăng lê.

Cách nấu ăn tốt nhất là lối nấu ăn của vùng Piedmont ở miền tây bắc nước Ý.

Rượu thì hại tôi lắm: chỉ cần một ly bia hoặc rượu vang mỗi ngày thôi thì cũng đủ biến đổi đời tôi thành ra một thung lũng khổ lụy - cái hạng người ở Munich là hạng người đối nghịch hẳn với tôi. Tôi mới học được trong lúc gần đây thôi, trước kia khi còn bé tôi đã thực sự trải qua kinh nghiệm ấy. Khi còn trai trẻ, tôi ngỡ rằng uống rượu, giống như hút thuốc, thoát đầu chỉ là cái lối vênh vênh của thanh niên, nhưng sau này đó quả là thói hư tật xấu. Có lẽ cái loại rượu vùng Naumburg đã khiến tôi kết án nghiêm khắc như vậy. Tưởng rằng rượu khả dĩ *làm vui cuộc được* thì tôi nên đâm đầu làm tín đồ Ki tô giáo cho rồi – vì ngỡ như vậy quả là vô lý quá đi thôi. Một điều kỳ dị là dù dễ nhảy với từng dùm rượu nhỏ loãng pha nước, nhưng tôi rất dạn rượu như một tên lính thủy mỗi khi uống nhiều rượu mạnh. Ngay cả lúc tôi còn trai trẻ, tôi đã tỏ ra cường khí về điểm này. Viết một bài luận La Tinh dài trong một đêm thôi, và chép lại sạch sẽ, muốn có cao vọng tranh tài với Sallust, danh sĩ gương mẫu của tôi, với lối hành văn nghiêm khắc và vén gọn của ông ta, và rót đôi phần rượu pha mạnh cỡ nặng vào trên bài La tinh ấy – ngay lúc tôi còn là học sinh ở trường Schulpforta khả kính, điều ấy cũng không trái nghịch gì với sinh lý của tôi hoặc với Sallust – dù nghịch hẳn với cái trường Schulpforta khả kính.

Sau này, vào khoảng trung niên, quả thực càng lúc tôi càng quyết liệt chống lại mọi thứ rượu: tôi, một đối thủ với việc ăn chay qua kinh nghiệm bản thân, cũng giống như Richard Wagner, người đã thuyết phục tôi cái việc ăn chay kia, khó có thể khuyên nhủ hạng người bèn rượu bỏ hẳn việc uống rượu (Rất khó dịch đoạn này, vì Nietzsche chơi chữ "geistig" trong hai ý nghĩa "rượu" và "tâm linh" – "*geistige Getränke*" có nghĩa là "rượu" nhưng "*geistigeren Naturen*" vừa có nghĩa "những bản chất tâm linh" mà đồng thời có nghĩa "những bản chất rượu chè". Đọc qua nguyên tác chữ Đức thì dễ nhận hơn: "Später, gegen die Mitte des Lebens hin, entschied ich mich freilich immer strenger *gegen* jedwedes "*geistige*" Getränk: ich, ein Gegner des Vegetariertums aus Erfahrung, ganz wie Richard Wagner, der mich bekehrt hat, weiss nicht ernsthaft genug die unbedingte Enthaltung von Alcoholicis allen *geistigeren* naturen anzuraten). *Nước lã* là đủ rồi... (Wasser tut's...)

Những nơi chốn tôi yêu thích là những chỗ mà tôi được chia sẵn mọi dịp để mức nước tươi mát (như những thành phố Nice, Turin, Sils); một cái ly nhỏ đi theo tôi như một con chó (ein kleines Glas läuft mir nach wie ein Hund; câu này Alexandre Vialatte dịch thoát là: "un petit verre me harcèle comme un chien"; dịch nghĩa sát theo chữ Đức thì "một cái ly nhỏ chạy theo sau tôi như một con chó". Nietzsche chỉ muốn dùng một ảnh tượng để làm nổi lên sự thèm nước mát của ông).

In vino veritas (trong rượu có chân lý): dường như chính ở điểm này tôi gây hấn với mọi người thiên hạ về ý niệm "chân lý" – trong trường hợp tôi thì linh thể di động trên mặt nước (N. ám chỉ cụ ước Kinh Genesis 1.2)

Và đây xin đưa ra vài đề nghị đạo đức nữa. Một bữa ăn thịnh soạn thì dễ tiêu hơn là một bữa ăn nhẹ nhàng (Eine starke Mahlzeit ist leichter zu verdauen als eine zu kleine). Toàn thể bao tử phải làm việc, đó là tiền đề tiên khởi cho việc tiêu hoá dễ dàng. Mình phải biết kích thước của bao tử mình. Đồng thời cũng vì lý do vừa nêu, mình phải kiêng cử những buổi ăn kéo dài mà tôi gọi là những cuộc tế lễ tử nạn dây dưa - những buổi ăn trật tự thứ lớp cố định, loại "table d'hôte" (ăn đúng giờ, đúng chỗ).

Không ăn gì giữa những bữa ăn, không uống cà phê: cà phê làm lan rộng nỗi âm u, tăm tối (keinen Kaffee: *Kaffee verdüstert*). Trà đem lại sức khoẻ vào buổi sáng. Uống một dùm thôi, nhưng đậm: không nên uống trà loãng nhẹ, dù uống ít đi nữa thì nó tác hại suốt trọn ngày. Mỗi người đều có tiêu chuẩn của mình, thường khi giữa những giới hạn nhỏ nhiệm tế nhị nhất. Trong một miền thời tiết quá bức bối, uể oải thì không nên uống trà, nên uống một tách ca cao đậm tầy dầu.

Nên ngồi càng ít càng tốt (so wenig als moeglich *setzen*). Đừng tin cậy vào bất cứ tư tưởng nào mà không phát sinh ở ngoài trời lúc mình di động thoải mái - Đừng tin cậy bất cứ tư tưởng nào mà không nhập lễ với sự vận động của những bắp thịt (keinem Gedanken Glauben schenken, der nicht im Freien geboren ist und bei freier Bewegung in dem nicht auch die Muskeln ein Fest feiern). Tất cả những thành kiến đều phát xuất từ ruột (Alle Vorurteile kommen aus den Eingeweiden) (chú ý: bản chữ Đức do Karl Schlehta san nhuận đã in sai chữ "Vorurteile" (thành kiến) thành ra "Vorteile" (lợi điểm).

Cái lỗi sống ngồi ì ra đây, tôi đã nói một lần rồi, đó là tội lỗi thực sự xúc phạm đến thánh thể (Das Sitzfleisch – ich sagte es schon einmal – die eigentliche *Sünde* wider den heiligen Geist).

II.

Vấn đề *chỗ ở* và *khí hậu* rất liên hệ mật thiết với vấn đề dinh dưỡng. Không ai có thể hoàn toàn tự do sống ở đâu cũng được, và kẻ nào cần giải quyết những vấn đề vĩ đại đòi hỏi việc thách thức trọn vẹn sức lực hần thì lại càng chỉ có được một sự lựa chọn rất giới hạn trong vấn đề này. Ảnh hưởng của khí hậu đối với sự chuyển biến trong cơ thể, sự tác động chậm tiến, sự gia tốc của nó có thể gây ảnh hưởng sâu xa đến nỗi việc chọn sai chỗ ở và khí hậu chẳng những khiến cho mình xa lạ ly cách với bốn phần sứ mạng của mình mà còn có thể ngăn giữ không để cho mình biết tới gì nữa: mình không còn bao giờ nhìn thấy sứ mạng bốn phần mình nữa. Khí lực nội động của mình không bao giờ đủ sức lớn mạnh để mình đạt tới được niềm tự do đổ tràn vào những cõi vùng tâm linh cao cả nhất và để cho mình nhận ra: điều này, chỉ có điều này tôi mới có thể làm được. (Der animalische *vigor* ist nie gross genug bei ihm geworden, dass jene ins Geistigste überströmende Freiheit erreicht wird, wo jemand erkennt: *das* kann ich allein...).

Chỉ cần để cho ruột bị mệt mệt lười lười một tí, lúc chuyện ấy trở thành một thói quen tật xấu, thì nội việc ấy cũng đủ biến một thiên tài thành ra một cái gì tầm thường, một cái gì "có tính cách Đức quốc". (Eine zur schlechten Gewohnheit gewordene noch so kleine Eingeweide – Trägheit genügt vollständig um aus einem Genie etwas Mittelmässiges, etwas "Deutsches" zu machen). Khí hậu Đức quốc thôi cũng đủ làm bại hỏng những bộ ruột mạnh khỏe, bẩm sinh hùng cường. Biến nhịp của sự biến thể trong cơ thể có tính cách hoàn toàn tương ứng với sự linh động nhanh nhẹn hoặc sự cứng nhắc què quặt của những bước chân tâm linh; "tâm linh" thực ra chỉ là một dạng thái của sự tác dụng biến thể này. Hãy cử ra những nơi chốn mà hạng người linh hoạt sinh sống, ở đó sự nhanh trí, tế nhị và tinh nghịch lệ thuộc vào cơn hạnh phúc yêu đời, ở đó thiên tài tìm thấy được quê nhà mình một cách dễ dàng gần như chuyện tất yếu: tất cả những nơi chốn ấy đều có được không khí khô ráo tuyệt vời. Chẳng hạn như Paris, Provence, Florence, Jerusalem, Athens - tất cả những tên thành phố này đều nói lên một cái gì, chứng minh một cái gì dễ thấy: thiên tài tùy thuộc vào không khí khô ráo, vào những phương trời trong trẻo – nghĩa là tùy thuộc vào sự tác dụng biến thể nhanh chóng của cơ thể, tùy vào khả năng rút kéo liên tục bao nhiêu sức mạnh vô hạn. Tôi có biết được một trường hợp của một tâm hồn lớn lao được sinh ra cho việc vĩ đại ở đời thế mà vì hấn đánh mất bản năng tế nhị tìm kiếm cho ra khí hậu thích ứng của mình, cho nên hấn chỉ trở thành hẹp hòi, teo tóp, một thứ học giả chuyên nghiệp gắt gỏng càu nhàu. Và chính tôi cũng thế, sau cùng rồi tôi cũng có thể trở thành y hệt như hấn nếu cơn đau bệnh ngặt nghèo của tôi không bức bách tôi, khiến tôi sáng mắt để nghĩ đến cái lý tính ở trong thực tại (zum Nachdenken über die Vernunft in der Realität). Bây giờ thì mọi sự quá rõ rồi, hậu quả của khí hậu và thời tiết đã quá quen thuộc đối với tôi, được biết từ kinh nghiệm lâu dài của chính bản thân tôi và tôi có thể đọc chính bản thân tôi như đọc một khí cụ tin cậy vi tế - và ngay cả một chuyến du hành ngắn, ví dụ như từ Turin cho đến Milan mà cơ thể tôi cũng ghi được sự biến động thay đổi về khí hậu ẩm ướt – tôi nghĩ lại sự kiện thảm khốc này mà phát sợ kinh hoàng, chỉ trừ ra năm mười năm cuối cùng này khi mà đời sống tôi bị hiểm nguy kịch liệt, còn trọn đời tôi, tôi chỉ toàn sống tại những nơi chốn bầy bạ, nhưng nơi tôi ký đối với tôi. Như thành phố Naumburg, Schulpforta, tỉnh thành Thuringia nói chung, thành Leipzig, Basel, Venise – bao nhiêu nơi chốn tai hại tàn phá cơ thể sinh lý tôi.

Đại để tôi không có kỷ niệm đáng quý nào từ suốt thời trẻ thơ và trai tráng, nhưng quả thực là điên dại kéo dài lôi ra đây một mớ lý lẽ "luân lý" để giải thích, chẳng hạn như cắt nghĩa rằng thiếu hấn tình bạn tương xứng: vì lúc nào thì tôi vẫn thiếu thốn như vậy, ngay lúc này cũng thế, nhưng như thế không có nghĩa là tôi mất đi lòng vui sướng táo bạo. Nhưng đúng hơn chính vì ngu dốt về sinh lý học - sự ngu

dốt này quả là một thứ "chủ nghĩa lý tưởng" đáng chửi rủa – đó là thiên tài đại họa thực sự cho đời sống tôi, một đời sống hoàn toàn thừa thãi, ngu xuẩn, không có gì ra hồn thoát ra được từ đó, không cái gì bù trừ cân xứng được. Hậu quả của cái "chủ nghĩa lý tưởng" này cung cấp cho tôi giải thích được tất cả mọi lỗi lầm, tất cả mọi tán thất mê loạn và những thứ "cử chỉ hạ mình khiêm tốn" khiến tôi xa lìa hẳn *bốn phận sứ mệnh* của đời tôi như cái việc tôi trở thành một tên học giả về ngôn ngữ học – ít nhất đi nữa tại sao không đi làm y sĩ hoặc một cái gì khác khả dĩ mở mắt mình?

Trong thời gian làm giáo sư ngôn ngữ học cổ điển tại đại học đường Basel, trọn vẹn thức ăn tinh thần của tôi, kể cả cách tôi phân chia ngày giờ của tôi, quả là một sự lạm dụng ngu xuẩn tất cả mọi tài nguyên phi thường, mà không tiếp liệu bù đắp gì được lỗi tiêu xài năng lực phung phí ấy, mà cũng chẳng nghĩ gì tới việc phung phí huỷ hoại kia và việc tiếp liệu bù đắp lại. Tôi đã đánh mất hết mọi ưu tư tế nhị về bản thân, mọi phòng vệ tuân phục theo bản năng chỉ đạo nào; tôi đã dễ dãi tự đặt mình ngang hàng với bất cứ tên vô lại nào; đó quả là một thứ "vị tha", bỏ quên đánh mất hết mọi khoảng cách giữa tôi và những kẻ khác, tôi không thể nào tự tha thứ mình ngu dại lầm lẫn như vậy. Khi tôi đã gần kề đường cùng, vì tôi đã gần cùng mạt rồi thì tôi mới bắt đầu suy nghĩ về sự thất trí trầm trọng căn đế của đời sống mình – cái thứ "chủ nghĩa lý tưởng" mọi rợ kia. Chỉ có cơn đau bệnh gần đây tôi mới vỡ lẽ cho tôi thấy.

III.

Lựa chọn thức ăn, lựa chọn khí hậu và nơi chốn: điểm thứ ba mà mình không nên phạm lỗi lầm dù bất cứ giá nào, đó là chọn lựa sự tiêu khiển giải trí nghỉ ngơi thích hợp với mình. Điểm này cũng tùy thuộc vào trình độ độ dao động của tâm linh mình, giới hạn của những gì dành riêng cho mình, có lợi cho mình, hoàn toàn được hạn chế. Trong trường hợp tôi, mọi sự đọc sách thuộc những điều giải phóng tôi ra khỏi chính tôi, đưa tôi lang thang vào những khoa học kỳ lạ và những tâm hồn kỳ lạ mà tôi không còn xem trọng. Đọc sách chính là sự giải trí của tôi ra ngoài sự trang trọng nghiêm nghị của chính tôi. Trong những thời gian tôi làm việc viết lách dồi dào siêng năng thì người ta không thấy tôi bị những quyển sách vây bọc nữa: tôi giữ gìn, thận trọng, canh phòng không để cho bất cứ ai đến gần tôi kể cả nói chuyện hoặc rề rà suy nghĩ gì hết (In tief arbeitsamen Zeiten sieht man keine Bücher bei mir: ich würde mich hüten, jemanden in meiner Nähe reden oder gar denken zu lassen). Và đọc sách có ý nghĩa rề rà là thế.

Không biết người ta có để ý rằng trong lúc tâm thần căng thẳng mãnh liệt mà sự thai nghén đã hành phạt tâm linh và hành phạt tận căn để trọn vẹn cơ thể phải chịu trạng huống khẩn trương ấy thì mọi sự việc bất ngờ ngẫu nhiên và mọi loại kích thích bên ngoài đều tác động quá kịch liệt, đánh vào như sấm sét, quá hung hăng, quá sâu thẳm? (Hat man eigentlich beobachtet, dass in jener tiefen Spannung, zu der die Schwangerschaft den Geist und im Grunde den ganzen Organismus verurteilt, der Zufall, jede Art Reiz von aussen her zu vehement wirkt, zu tief "einschlägt"?)

Mình hãy tránh hết sự bất ngờ ngẫu nhiên và những kích thích bên ngoài, càng tránh nhiều chừng nào tốt chừng nấy: tự đóng nhốt mình lại trong bốn vách tường là một trong những biện pháp đề phòng tự nhiên nhất trong thời kỳ cuu mang thai nghén của tâm linh. Tôi có nên để cho một tư tưởng ngoại lai leo trèo qua vách để đột nhập kín đáo vào thế giới mình? Và đọc sách có nghĩa là phải chịu như thế.

Những thời gian viết lách làm việc, sinh sôi nảy nở liền được tiếp đuôi theo sau là những thời gian giải trí nghỉ ngơi: lúc ấy, những quyển sách tươi vui thông minh hãy mò tìm tới tôi!

Có phải đó là những quyển sách của nước Đức không?

Tôi phải lùi lại nửa năm qua mới bắt chợt thấy mình có một quyển sách trong tay – Đó là quyển gì? Một tác phẩm nghiên cứu của Victor Brochard, nhan đề là *Les Sceptiques Grecs* mà trong quyển sách ấy những thiên khảo cứu của tôi về Diogenes Laertius (*Laertiana*) được sử dụng tích cực. Những triết gia hoài nghi, loại triết gia đáng trọng vọng duy nhất giữa bọn triết gia ăn nói ngôn ngữ từ hai nghĩa cho đến năm nghĩa! (Die Skeptiker, der einzige *ehrenwerte* Typus unter dem so zwei – bis fünfdeutigen Volk der Philosophen!...)

Nếu không thế thì tôi gần như vẫn luôn luôn tìm nơi trú ẩn với một số sách quen thuộc, đọc đi đọc lại, thực ra, chỉ một số ít thôi - những quyển sách *chúng nghĩa riêng cho tôi* (Sonst nehme ich meine Zuflucht fast immer zu denselben Büchern, einer kleinen Zahl im Grunde, den gerade für mich *bewiesenen* Büchern). Có lẽ tôi không có tính chịu đọc sách nhiều hoặc đọc đủ loại: một phòng đọc sách luôn luôn làm tôi phát bệnh (Es liegt vielleicht nicht in meiner Art, viel und vierlerlei zu lesen: ein Lesezimmer macht mich krank). Tâm tính tôi cũng không ưa việc yêu nhiều hoặc yêu đủ loại (Es liegt auch nicht in meiner Art, viel und vierlerlei zu lieben). Cẩn thận đề phòng, và cả lòng ác cảm chống lại những quyển sách mới lạ, những điều này thích hợp với bản năng của tôi hơn là "bao dung" "rộng lượng" và "tình người nhân hậu".

Chú thích của dịch giả: Khi cho in quyển này, Nietzsche đã chữa lỗi in của ấn cáo cho tới đoạn này và cho phép chạy máy đến đây thì Nietzsche bị bệnh, té ngất quỵ ngoài đường, rồi từ đó im lặng, hoàn toàn im lặng, "tịch nhiên bất động" cho đến mười năm, rồi chết trong nỗi bí mật của thiên thượng địa hạ...

(Sau đây tôi xin chừa một trang trắng để tưởng niệm ngày linh thiêng Nietzsche đi vào sự Im Lặng Hồ Thẳm).

Có một số ít sách của những cụ tác giả người Pháp mà tôi vẫn đọc đi đọc lại nhiều lần: tôi chỉ tin tưởng nền văn hoá Pháp và coi tất cả mọi sự khác ở Âu châu ngày nay được gọi là "văn hoá" thực ra chỉ là một sự ngộ nhận thôi – đó là chưa nói đến cái gọi là văn hoá Đức.

Vài trường hợp hiếm hoi nói lên văn hoá cao lớn mà tôi đã được gặp gỡ ở nước Đức này đều có nguồn gốc ở Pháp, đặc biệt như trường hợp của bà Cosima Wagner, đó là tiếng nói hàng đầu đối với những vấn đề văn phong mỹ khiêu mà tôi đã từng được nghe.

Cái việc tôi yêu Pascal, chứ không phải chỉ đọc, như một nạn nhân dạy mình nhiều nhất về Ki-tô giáo, kẻ bị sát hại dần hồi, thoát đầu bị sát hại về phương diện tâm lý – trọn vẹn luận lý học về hình thể ghê rợn nhất của sự tàn bạo vô nhân đạo này (Dass ich Pascal nicht lese, sondern *liebe*, als das lehrreichste Opfer des Christentums, langsam hingemordet. Erst leiblich, dann psychologisch, die ganze Logik dieser schauderhaftesten Form unmenschlicher Grausamkeit). Trong tinh thần tôi, tôi lại

có – ai ngờ? – có lẽ cũng có cả trong cơ thể - cái chất khinh khoái hăng hái mạnh khoẻ của Montaigne; năng khiếu cảm nhận của con người nghệ sĩ trong tôi đã bào chữa bệnh vực những tên tuổi của Molière, Corneille và Racine, bệnh vực, không tránh được thịnh nộ, chống lại thiên tài man dại như Shakespeare – tất cả những điều ấy không phải khiến tôi bớt nhận thấy rằng ngay cả đối với những tác giả Pháp gần đây nhất tôi vẫn cảm thấy họ hấp dẫn khi sống chung với tập thể họ. Tôi không thấy thế kỷ nào ở quá khứ mà mình có thể vớt lên được bao nhiêu nhà tâm lý vừa thâm thấu vừa tế nhị như ở Paris hiện nay: xin đề nghị một số tên ra đây - số tên ấy không phải là ít – xin kể tên quý ông Paul Bourget, Pierre Loti, Gyp, Meilhac, Anatole France, Jules Lemaitre, hoặc xin đơn cử ra đây một tên trong chủng loại hùng cường ấy, một hạng người La Tinh chân thật mà tôi đặc biệt mở lòng, đặc biệt đón nhận, đó là Guy de Maupassant. Thú thực nói riêng với nhau tôi thích yêu thế hệ văn sĩ này hơn cả những bậc thầy của họ, vì tất cả những bậc thầy này, không loại trừ ai hết, đều bị triết lý Đức quốc làm hư hỏng hết cả (chẳng hạn như Taine đã bị Hegel làm hư hỏng đi, Taine ngộ nhận những vĩ nhân và những thời đại vì chịu ảnh hưởng sai lầm của Hegel). Nước Đức lan rộng đến đâu thì nó phá huỷ nền văn hoá ở đó (Soweit Deutschland reicht, *verdirbt* es die Kultur). Chỉ có chiến tranh mới "giải toả" tinh thần ở Pháp.

Stendhal, một trong những sự tình cờ đẹp nhất trong đời tôi – vì bất cứ cái gì đánh dấu một biến cố quan trọng trong tôi đều xuất hiện một cách ngẫu nhiên bất ngờ, chứ không do ai suy tính cả - (Denn Alles, was in ihm Epoche macht, hat der Zufall, niemals eine Empfehlung mir zugetrieben). Stendhal thực là vô giá, cái nhìn tâm lý dự tri của ông, cái tài khéo soi thấu những sự kiện để làm ta nhớ đến con người vĩ đại nhất trong những con người hiện thực (*ex ungue Napoleonem*: từ dấu chân mà mình có thể biết đó là Nã Phá Luân), và điều sau cùng không phải không đáng nói nhất, Stendhal là một vô thần trung thực - một loại người rất hiếm thấy ở Pháp và gần như không thể tìm thấy được - ở đây cũng cần cất nón chào Prosper Mérimée.

Có lẽ tôi cũng đổ kị cả Stendhal? Ông ấy đã tước mất khỏi tôi lời khôi hài vô thần tuyệt diệu nhất mà đáng lẽ tôi phải nói thế: "cái cơ biện chữa duy nhất của chính Thượng đế là ông ta không có hiện hữu" (Die einzige Entschuldigung Gottes ist, dass er nicht existiert). Đâu đây chính tôi cũng đã nói: điều phản đối lớn nhất cho cuộc hiện hữu từ trước đến giờ là điều gì? Đó là Thượng Đế (Ich selbst habe irgendwo gesagt: was war der grösste Einwand gegen das Dasein bisher? *Gott!*...)

IV.

Heinrich Heine đã cho tôi ý niệm cao cả nhất về thi sĩ trữ tình. Tôi không tìm đâu ra thứ nhạc điệu say đắm dịu dàng như vậy trong tất cả mọi lãnh vực của lịch sử. Heine có được đức dữ dằn tinh nghịch thần thánh mà thiếu mất đức tính ấy thì tôi không thể nào hình dung nổi sự tận thiện tận mỹ (Er besass jene göttliche Bosheit, ohne die ich mir das Vollkommene nicht zu denken vermag): Tôi đánh giá loài người, chủng tộc, tùy theo điều tất yếu mà họ chịu bắt buộc không thể làm gì khác hơn là không thể nào quan niệm thần thánh tách rời ra hạng quý thần mình người chân dê (Ich schätze den Wert von Menschen, von Rassen danach ab, wie notwendig sie den Gott nicht abgetrennt vom Satyr zu verstehen wissen)

Và Heine sử dụng tiếng Đức hay tuyệt làm sao! Một ngày nào trong tương lai đây người đời sẽ nói rằng Heine và tôi là những nghệ sĩ thượng đẳng sử dụng tiếng Đức tài ba nhất - vượt xa vô số lên trên

hắn tất cả những gì mà dân Đức thuần túy đã làm được với tiếng Đức từ trước đến nay (C.T.D.G.: Nietzsche ám chỉ Heine là người Đức gốc Do Thái, còn hạng người Đức thuần túy thì không làm gì ra hồn cả! Lời tiên tri của Nietzsche đã đúng với sự thật, vì năm 1908, đại văn hào Đức Thomas Mann trong một bài viết về Heine, cũng nhận rằng không có văn chương Đức nào viết hay tuyệt như Heine và Nietzsche. Thomas Mann, *Rede und Antwort*, 1922, trang 382)

Tôi phải có nhiều huyết thống liên hệ mật thiết với tác phẩm Manfred của Byron TẤT CẢ MỌI HỒ THẮM NÀY, TÔI ĐÃ TÌM THẤY CHÚNG TRONG NGƯỜI TÔI (ICH FAND ALLE DIESE ABGRÜNDE IN MIR), lúc mới mười ba tuổi thôi, tôi cũng đủ chín muồi để hiểu tác phẩm này. Tôi không nói gì cả mà chỉ ném đi một cái nhìn từ cao xuống, cho những kẻ nào dám đọc tiếng "Faust" trước sự có mặt của Manfred (C.T.D.G: Nietzsche so sánh nhân vật Manfred của Byron và nhân vật Faust của Goethe; Nietzsche kính phục Goethe nhưng không phải vì say mê tác phẩm chính của Goethe là vở kịch *Faust*). Dân Đức không có khả năng có được ý niệm gì về sự cao cả vĩ đại (Die Deutschen sind *unfähig* jedes Begriffs von Grösse). Bằng chứng: Schumann. Chỉ vì nổi giận với tên Saxon đường mật này mà tôi sáng tác phản tự khúc cho *Manfred* mà Hans von Buelow nói rằng ông ta chưa bao giờ thấy được sáng tác phẩm nào như vậy được viết trên mặt giấy; ông ấy gọi đó là sự hiếp dâm của nữ nhạc thần Euterpe (C.T.D.G.: Buelow là dương cầm gia và nhạc trưởng, chồng của Cosima Liszt, sau Cosima bỏ chồng mà lấy Richard Wagner).

Khi tôi tìm kiếm phương trình tối thượng của tôi để hình dung Shakespeare thì tôi vẫn luôn thấy điều này: ông ấy đã tạo ra được mẫu người César. Người ta không thể đoán mò được cái loại ấy: hoặc mình là thể hoặc không là thể. Nhà thơ vĩ đại chỉ mức, vót, lấy lên từ ngay thực tại bản thân (Dergleichen errät man nicht – man ist es oder man ist es nicht. Der grosse Dichter schöpft *nur* aus seiner Realität) cho đến độ sau đó thì sẽ không còn thể chịu đựng nổi tác phẩm của mình nữa (bis zu dem Grade, dass er hinterdrein sein Werk nicht mehr aushält...).

Khi tôi nhìn lại tác phẩm *Zarathustra* của tôi thì tôi bước đi bước lại trong phòng tôi cả nửa giờ đồng hồ và không còn có thể dần được tiếng khóc nức nở quá sức chịu đựng (Wenn ich einen Blick in meinen Zarathustra geworfen habe, gehe ich eine halbe Stunde im Zimmer auf und ab, unfähig, über einen unerträglichen Krampf von Schluchzen Herr zu werden).

Tôi không biết có gì xé nát tim mình cho bằng đọc Shakespeare: một con người đã phải chịu đau khổ biết bao đến nỗi phải cần làm hề như vậy (Ich kenne keine herzzerreissendere Lektüre als Shakespeare: was muss ein Mensch gelitten haben, um dergestalt es nötig zu haben, Hanswurst zu sein!).

Có ai hiểu được Hamlet không? Không phải sự nghi ngờ mà chính điều chắc chắn xác thực đã xô đẩy người ta đến chỗ điên loạn (Nicht der Zweifel, die Gewissheit ist das, was wahnsinnig macht...). NHƯNG MÌNH PHẢI LÀ SÂU THẮM, PHẢI LÀ MỘT HỒ THẮM, MỘT TRIẾT GIA, THÌ MỚI CẢM ĐƯỢC NHƯ VẬY (ABER DAZU MUSS MAN TIEF, ABGRUND, PHILOSOPH SEIN, UM SO ZU FÜHLEN...).

TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU SỢ SỰ THẬT (WIR FÜRCHTEN UNS ALLE VOR DER WAHRHEIT...).

Và hãy để tôi thú thực: tôi cảm thấy chắc chắn ngay tận bản năng rằng Lord Bacon chính là kẻ sáng tạo ra loại văn chương quái dị nhất này và cũng là kẻ tự hành hạ mình trong loại văn ấy: cái thứ ba hoa nhảm nhí đáng thương hại của mấy bộ óc nhạt nhẽo ngu ngờ người Mỹ có nghĩa gì đâu đối với tôi? (C.T.D.G: Ý của Nietzsche, chứ chẳng có dính dáng gì với những học giả Mỹ, lý thuyết gia chủ trương Shakespeare chính là Bacon).

Song kiến lực để nhìn thấy thực tại mạnh mẽ nhất chẳng những là tương hợp với mãnh lực cao cường nhất để hành động, để làm việc quý quái, để làm việc tội lỗi – mà điều ấy còn là điều kiện tiền lập cho việc ấy (Aber die Kraft zur maechtigsten Realitaet der Vision ist nicht nur vertraeglich mit der maechtigsten Kraft zur Tat, zum Ungeheuren der Tat, zum Verbrechen – *sie setzt sie selbst voraus...*).

Chúng ta hãy còn chưa hiểu nổi đầy đủ về Lord Bacon, con người hiện thực đầu tiên trong mọi ý nghĩa cao cả, kẻ biết tất cả mọi sự mình đã làm, đã muốn và đã thử nghiệm cho chính bản thân.

Ô hô, xin cút mất đi, hỡi những nhà phê bình thân mến của tôi.

Giá như tôi đã xuất bản tác phẩm *Zarathustra* dưới một tên khác – chẳng hạn, như tên của Richard Wagner – thì sự sáng trí minh mẫn của hai ngàn năm cũng không đủ để cho người ta đoán rằng tác giả quyền "Menschliches, Allzumenschliches" là kiến giả của tác phẩm *Zarathustra*.

V.

Nói đến những sự giải trí tiêu khiển của đời tôi, tôi phải nói đôi điều ở đây để tạ ơn đối với cái được coi như sự tiêu khiển sâu thẳm nhất và tâm ngộ nhất của đời tôi. Nhất định rồi, đó là sự giao thiệp thân mật với Richard Wagner. Đối với tất cả sự giao thiệp đi lại của tôi với những người khác, tôi đều coi rẻ, nhưng tôi không hề muốn đổi mất những ngày thơ mộng sống ở Tribschen cùng với gia đình Wagner, dù bất cứ giá nào – đó là những ngày tin cậy, vui đời, đầy những sự việc bất ngờ cao siêu xảy đến, ôi những giây phút sâu thẳm.

Tôi không biết những kẻ khác đã có những kinh nghiệm nào đối với Wagner: đối với tôi, bầu trời giữa Wagner và tôi không bao giờ bị vẩn tối bởi một gợn mây đơn độc nào.

Đề cập đến đây, tôi lại trở lại nước Pháp một lần nữa – Tôi không có lý do nào nữa ngoài sự khinh miệt ở khoẻ môi, đối với lũ đồ đệ của Wagner, *et hoc genus omne* (và cả đám chúng), những hạng người cho rằng họ suy tôn Wagner bằng cách tìm thấy ông ấy giống hệt như *bọn họ*.

Cái lười ăn ở của tôi, hoàn toàn xa lạ hẳn, trong tận bản năng sâu thẳm nhất, đối với tất cả những gì thuộc Đức quốc, xa lạ đến nỗi mỗi khi chỉ trừ tới gần một người Đức là bộ máy tiêu hoá tôi phải bị trệ lại (So wie ich bin, in meinen tiefsten Instinkten allem, was deutsch ist, fremd, so dass schon die Nähe eines Deutschen meine Verdauung verzögert) nhưng lần đầu gặp gỡ Wagner thì đó cũng là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi được thở khoẻ khoắn sâu đậm; tôi có kinh nghiệm rõ rệt, có lòng trọng vọng ông ấy như là một miền đất lạ, như một thứ phản đề, một sự chống đối hiện thân nghịch lại hẳn tất cả "những đức tính Đức quốc".

Chúng ta, những đứa con lớn lên trong không khí đầm lầy của những năm từ 1850 cho đến 1860, tất nhiên nhất định phải là những kẻ bi quan đối với ý niệm "Đức quốc tính"; chúng ta không thể làm gì khác hơn là làm những nhà cách mạng – chúng tôi không chịu đựng nổi bất cứ sự trịnh trọng nào mà kẻ giả đạo đức lảng tránh lại leo lên đầu thiên hạ. Tôi hoàn toàn lãnh đạm về việc ngày hôm nay hắn có mặc y áo tạp sặc, ăn vận đồ loè, đồng phục của một tên khinh kỵ binh (C.T.D.G: ám chỉ Đức hoàng Wilhelm II, lên ngôi năm 1888, đồng thời cũng ám chỉ Đế quốc Đức mà Wagner đã trở thành một thứ "anh hùng dân tộc"!)

Những thuở ấy thì Wagner vẫn còn là những nhà cách mạng – ông ta chạy thoát khỏi những người Đức (C.T.D.G: lúc Nietzsche giao du với Wagner thì Wagner sống ở Thụy Sĩ).

Mang một tâm hồn nghệ sĩ thì mình không có quê hương nào khác ở cái đất Âu châu này, ngoại trừ sống ở Paris (Als *Artist* hat man keine Heimat in Europa ausser in Paris), ở Paris: nghệ thuật của Wagner được tiên lập trong điệu tịnh nhuệ trong tất cả năm giác quan thẩm mỹ, những ngón tay thần tình rờ mó ra những khoé cạnh tinh tế vi diệu, tính phong nhu tâm lý, tất cả những điệu lòng này chỉ có thể tìm được ở Paris (die *délicatesse* in allen fuenf Kunstsinnen, die Wagners Kunst voraussetzt, die Finger für *nuances*, die psychologische Morbiditaet, findet sich nur in Paris). Không nơi nào khác ở thế gian này mà mình thấy được lòng say mê đắm đuối với những vấn đề hình thức, lòng trang trọng đối với việc dàn cảnh – một thứ trang trọng rất mực Paris. Ở nước Đức người ta thiếu mất hẳn mọi ý niệm về lòng xa vọng dị thường sôi động trong tâm hồn của một con người nghệ sĩ ở Paris (Man hat in Deutschland gar keinen Begriff von der ungeheuren Ambition, die in der Seele eines Pariser Künstlers lebt). Những người Đức họ tốt quá, thực thà quá; Wagner không hề như vậy.

Nhưng từ lâu tôi đã nói đầy đủ (trong quyển *Vượt qua thiện và ác, Jenseits von Gut und Böse*, II, 724f) về việc phải đặt để Wagner vào đâu và những kẻ đồng loại với ông ấy là ai: những nghệ sĩ cao bay ngất ngút như Delacroix, như Berlioz, với căn cơ hay bệnh hoạn, bất trị từ bản chất (von Unheilbarkeit im Wesen), tất cả đều là những kẻ cuồng tín của đạo *phát biểu*, những bậc kỳ tài diệu thủ từ đầu đến chân...

Kẻ nào là đồ đảng đầu tiên thông minh của Wagner? Đó là Charles Baudelaire, nhà thơ này cũng là kẻ đầu tiên hiểu được Delacroix – tên nghệ sĩ sa đọa kiêu mẫu ấy mà cả một lũ nghệ sĩ đã tự nhận hình bóng họ ở đó – và có lẽ tên ấy cũng là tên cuối cùng (C.T.D.G: tên cuối cùng, đồ đảng thông minh cuối cùng của Wagner).

Tôi không bao giờ tha thứ Wagner. Về việc gì? Về việc ông ta hạ mình với những người Đức – việc ông ta trở thành đồng hóa với cơ đồ của tân Đế quốc Đức (dass er reichsdeutsch wurde...).

Nơi nào nước Đức lan tràn tới thì nước Đức phá hoại văn hoá ở nơi đó (So weit Deutschland reicht, *verdirbt* es die Kultur).

VI.

Xét cho cùng, tôi không thể chịu đựng được nỗi tuổi trẻ của tôi nếu không có nhạc của Wagner. Vì lúc bấy giờ tôi bị đày đọa sống với những người Đức. Nếu mình muốn giải toả khỏi sức đè nặng không thể

chịu đựng nổi thì cần phải có thuốc say haschisch. Lúc ấy, tôi phải cần Wagner. Wagner là một thứ giải độc chống trị lại tất cả mọi sự việc Đức quốc – một thứ trị độc, một thứ thuốc độc nữa, tôi không phủ nhận điều ấy.

Từ lúc nghe được một nhạc phổ liên hợp đàn dương cầm cả tác phẩm *Tristan* – xin gửi lòng chúc từ cho ông von Buelow – thì tôi trở thành tín đồ của Wagner. Những tác phẩm cuối cùng của Wagner thì tôi coi quá thấp dưới tôi – quá tầm thường, quá "Đức quốc tính".

Song cho mãi đến nay tôi vẫn còn đang tìm kiếm một sáng tác phẩm ngang hàng với sự quyến rũ nguy hiểm và sự vô hạn ghê rợn dịu dàng của tác phẩm *Tristan* – mà vẫn không thể tìm được trong tất cả ngành nghệ thuật. Tất cả những sự kỳ dị bí ẩn của Leonardo da Vinci đã được tước lột ra ngoài sức ma hoặc ở ngay nốt nhạc đầu tiên của *Tristan*. Tác phẩm này đích thị là tác phẩm rất mực Wagner, với những tác phẩm như *Meistersänger* và *Ring* thì ông ấy chỉ lấy lại từ *Tristan*. Trở nên mạnh khỏe hơn nữa, đó là sự thụt lùi đối với bản chất như Wagner (*Gesünder werden – das ist ein Rückschritt bei einer Natur wie Wagner*).

Tôi cho rằng mình đã được vận may thượng đẳng đã sống đúng lúc giữa những người Đức, đủ chín muồi để thưởng thức tác phẩm vĩ đại này của Wagner: sức thâm sát tâm lý đã được thể hiện sâu thẳm biết bao trong trường hợp tôi. Thế giới vẫn nghèo nàn đối với bất cứ kẻ nào chưa từng bao giờ đủ bệnh hoạn để được "sự mê ly khoái lạc của hoả ngục" (*Die Welt ist arm für den, der niemals krank genug für diese "Wollust der Hölle" gewesen ist*): ở đây mình gần như bắt buộc phải dùng để thức ngôn ngữ của hạng đạo sĩ thần bí.

Tôi nghĩ rằng tôi biết rõ hơn bất cứ kẻ nào khác về những sự việc khủng khiếp mà Wagner có khả năng làm nổi – năm mươi thế giới của những cơn xuất thần xa lạ mà không ai có được những cánh bay, trừ ra Wagner, và hiện thể của bản chất tôi, tôi kẻ đủ sức mạnh để biến đổi ngay cả những gì khả vãn nhất và nguy hiểm nhất trở thành lợi lộc cho tôi và như vậy trở nên mạnh mẽ hơn nữa, cho nên tôi gọi Wagner là kẻ ân nhân vĩ đại của đời tôi. Cái việc chúng tôi liên hệ giao du mật thiết nhau, cái việc chúng tôi đã đau khổ quá sâu thẳm, cũng đã đau khổ phiền lụy với nhau, đau đớn hơn cả khả năng đau khổ của những con người ở thế kỷ này – những sự việc ấy sẽ nối kết tên tuổi chúng tôi với nhau mãi mãi, thiên thu, điều này nhất định chắc chắn như cái việc Wagner chỉ là một sự ngộ nhận giữa những người Đức, cũng như tôi vẫn mãi mãi luôn sẽ bị ngộ nhận như vậy (*und so gewiss Wagner unter Deutschen bloss ein Missverständnis ist, so gewiss bin ich's und werde es immer sein*).

Hỡi những người Đức kiêu hãnh, hai thế kỷ của kỷ luật nghệ thuật và tâm lý phải đến *trước* đã! Song người ta không bắt kịp được điều ấy đâu.

VII.

Tôi sẽ nói thêm đôi lời nữa cho những lỗi tai ưu tú nhất: những gì tôi thực sự cần thấy phải có trong âm nhạc. Rằng âm nhạc phải phơi phơi vui tươi và sâu thẳm như một buổi chiều tháng Mười (*Dass sie heiter und tief ist, wie ein Nachmittag im Oktober*). Rằng âm nhạc phải có cá tính, vui đùa tinh nghịch, dịu dàng, như một người đàn bà bé bỏng, ngọt ngào tràn đầy thú tính và duyên dáng (*Dass sie eigen, ausgelassen, zärtlich, ein kleines süßes Weib von Niedertracht und Anmuth ist...*)

Tôi không bao giờ nhận rằng một người Đức có thể biết được âm nhạc là gì. Những kẻ gọi là những

nhà soạn nhạc người Đức – nhất là những nghệ sĩ vĩ đại nhất đều là người ngoại quốc: người Slaves, người Croates, người Ý Đại Lợi, người Hoà Lan hoặc người Do Thái; nếu không thế thì họ là dòng dõi người Đức thuộc chủng loại mạnh mẽ nhất, thứ chủng loại này bây giờ không còn nữa, như Heinrich Schütz, Bach, và Händel. Tôi vẫn còn đủ máu của người Ba Lan trong bản thân khả dĩ hy sinh tất cả âm nhạc còn lại cho Chopin, chỉ trừ ra ba điều, tác phẩm Siegfried Idyll của Wagner, có lẽ một vài tác phẩm của Liszt, kẻ vượt qua tất cả nhạc sĩ khác trong những âm điệu hợp tấu khúc quý phái cao cả, và sau cùng, tất cả mọi rặng núi Alpes - ở phía bên này (C.T.D.G: Nietzsche viết *Ecce Homo* tại thành phố Turin ở Ý Đại Lợi).

Tôi không biết phải ăn ở làm sao cho ra hồn nếu không có nhạc của Rossini, hay lại còn tệ hơn nữa, nếu không có cái thứ nhạc miền Nam mặt trời của tôi, nhạc của Pietro Gasti, bậc thầy ở Venise.

Khi tôi nói vượt qua bên kia rặng núi Alpes, thực ra tôi chỉ muốn nói Venise. Khi tôi muốn tìm một lời khác để chỉ âm nhạc, tôi vẫn chỉ tìm một lời khác để chỉ âm nhạc, tôi vẫn chỉ tìm được một tiếng thôi, đó là tiếng: Venise. Tôi không biết làm thế nào phân biệt giữa nước mắt và âm nhạc (Ich weiß keinen Unterschied zwischen Tränen und Musik zu machen) – Tôi không biết nghĩ thế nào về hạnh phúc, về miền Nam mặt trời mà không run rẩy e ngại (Ich weiß das Glück, den Süden nicht ohne Schauder, der von Furchtsamkeit zu denken) (C.T.D.G: Bản dịch chữ Pháp của Alexandre Vialatte, *Ecce Homo*, Gallimard, 1942, đã dịch sai hẳn ý nghĩa của đoạn này: "Je sais le bonheur de ne pouvoir songer au Midi sans un frisson de terreur", Alexandre Vialatte đã hiểu sai vì phân tích sai đoạn văn ra làm hai phần: "Ich weiss dass Glück.../, den Süden nicht ohne Schauder von Furchtsamkeit zu denken": "Je sais le bonheur.../ de ne pouvoir songer an Midi sans un frisson de ter-reer", nghĩa là hiểu sai vị trí của chữ *nicht* trong phân đoạn hai).

*Tôi đứng nơi cầu
mới rồi trong đêm nâu.
Từ xa vẳng lại tiếng ca sâu:
như một giọt vàng đổ tràn
trên mặt rung lai láng.
Những chiếc thuyền, sáng ngời, điệu nhạc -
Men say ngào ngạt bơi thả vào hoàng hôn bát ngát.
Hồn tôi một cung cầm vương tơ,
Thoáng động vô hình ca khẽ băng quơ
Bài hát đồ đưa thắm kín buồng hờ
Rung rinh với tình lỏng lẻo mê ly muôn sắc
Còn ai kia đã lắng nghe tiếng hát?*

*An der Brücke stand
Jüngst ich in brauner Nacht.
Fernher kam Gesang;
Goldener Tropfen quollt
Über die zitternde Fläche weg.
Gondeln, Lichter, Musik –
Trunken schwamm in die Dämmerung hinaus...
Meine Seele, ein Saitenspiel,*

*Sang sich, unsichtbar berührt,
Heimlich ein Gondellied dazu,
Zitternd vor bunter Seligkeit.
Hörte jemand ihr zu?*

VIII.

Trong tất cả những vấn đề này - việc lựa chọn thức ăn dinh dưỡng, nơi chốn và khí hậu, trò tiêu khiển - bản năng tự thủ nội sinh đã ban mệnh lệnh và đạt đến sự phát biểu dứt khoát nhất dưới hình thức của bản năng tự vệ. Nhắm mắt lại không nhìn nhiều sự việc, không nghe nhiều sự việc, không để cho nhiều sự việc chạy trôi đến bên mình – đó là hiệu lệnh đầu tiên cho mình thấy rằng mình không phải chỉ là có sự ngẫu nhiên mà là một sự tất yếu có tính cách định phận (*Vieles nicht sehen, nicht hören, nicht an sich herankommen lassen – erste Klugheit, erster Beweis dafür, dass man kein Zufall, sondern eine Notwendigkeit ist*). Chữ thông thường để gọi bản năng tự vệ này là *thị hiếu*. Nó ra lệnh chúng ta chẳng những chỉ nói *không* khi mà tiếng *ừ* vẫn được về "vô vị kỷ" mà còn ra lệnh cho chúng ta nói *không* càng ít càng tốt. Tự tách rời mình, tự cách mình ra khỏi mọi việc khả dĩ khiến mình phải cần tiếp tục nói *không*. *Sở dĩ* thế là vì những hoang phí năng lực để tự vệ, dù nhỏ nhoi đi nữa, cũng trở thành lệ luật và thói quen, đưa đến việc nghèo nàn dị thường, hoàn toàn thừa thãi. Những tiêu phí năng lực lớn lao của chúng ta đều gồm toàn những sự tiêu phí bé nhỏ thường trực (*Unsre grossen Ausgaben sind die häufigsten kleinen*). Cầm cự lại, không để cho những sự việc trôi tới gần, khiến cho mình phải tiêu phí, đừng ai phải chịu tự lương gạt về điểm này – năng lực hoang phí vào những mục đích tiêu cực. Chỉ vì nhu cầu đòi hỏi thường xuyên phải cầm cự xua đuổi tránh né, cho nên mình có thể trở nên yếu đuối và không còn khả năng tự bảo vệ nữa.

Ví như lúc bước ra khỏi nhà, thay vì tìm thấy thành phố Turin tĩnh lặng quý phái, tôi lại gặp một thành phố Đức bé nhỏ: bản năng tôi bắt tôi phải ngăn rào tự thủ xô đẩy mọi sự ào tới tấn công do cái thế giới ma sát, nhát nhẽo, hèn nhát. Hoặc là tôi gặp một thành phố lớn Đức – cái thứ dâm uế được xây dựng bằng đá mà không có gì có thể mọc lên được mà tất cả mọi sự, tốt hoặc xấu, đều loại nhập cảng. Có phải điều này đã bức ép tôi phải trở thành một con nhím?

Song có lông nhím quả là phung phí, khi mình có thể chọn lựa việc không có lông nhím mà được hai bàn tay mở rộng ra thì đó là một xa xỉ gấp đôi.

Xin cho một lời khuyên dè dặt khôn ngoan tự vệ nữa: hãy phản ứng lại càng ít càng tốt, và tránh hết những hoàn cảnh và những mối tương hệ khả dĩ đầy dọa mình phải treo ngưng niêm "tự do" của mình và sự sáng kiến của mình để chỉ trở thành một thứ phản ứng, chỉ phản ứng thôi (*Eine andre Klugheit und Selbstverteidigung besteht darin dass man so selten als möglich reagiert und, dass man sich Lagen und Beziehungen entzieht wo man verurteilt waere, seine "Freiheit", seine Initiative gleichsam auszuhängen und ein blosses Reagens zu werden*). Xin trưng dẫn thí dụ về việc liên hệ với sách vở. Ngày nay, những vị học giả chẳng làm ra gì ngay từ căn bản, chỉ dở sách, bao nhiêu quyển sách - chẳng hạn những nhà ngôn ngữ học cỡ hạng trung bình, cũng dở đến hai trăm quyển mỗi ngày – đảo cùng rồi phải đánh mất hết mọi khả năng suy tư độc đáo, tự mình suy nghĩ sự việc cho mình (*verliert zuletzt ganz und gar das Vermoege, von sich aus zu denken*). Khi họ không mó sách thì họ không suy nghĩ gì ráo (*Waelzt er nicht, so denkt er nicht*). Mỗi khi họ suy nghĩ họ chỉ ứng đáp lại một kích thích tổ, một

tư tưởng mà họ đã học (Er *antwortet* auf einen Reiz (einen gelesenen Gedanken), wenn er denkt) – sau cùng rồi, họ chẳng làm gì ra hồn cả, ngoài ra cái việc phản ứng lại thôi (er reagiert zuletzt bloss noch). Những nhà học giả tiêu phí hết mọi tinh lực họ để nói *ừ* và *không*, để phê bình chỉ trích những gì người khác đã nghĩ – chính họ, họ không còn suy nghĩ gì nữa (Der Gelehrte gibt seine ganz Kraft im Ja-und Neinsagen, in der Kritik von bereits Gedachtem ab - er selber denkt nicht mehr...).

Bản năng tự vệ đã trở thành mòn lụn trong họ rồi; nếu không thế thì họ phải chống lại những quyển sách. Hạng học giả - một hạng sa đọa (Der Instinkt der Selbstverteidigung ist bei ihm mürbe geworden; im anderen Falle würde er sich gegen Bücher wehren). Tôi đã trông thấy tận mắt: những kẻ có những bản chất thông minh thiên bẩm, rộng lòng, tự do, khoảng ba mươi tuổi mà đời đã tan hoang vì đọc sách – họ chỉ là những cây diêm quẹt mà mình cần phải đánh lửa thì lửa mới toé ra được – "những tư tưởng" đầy mà. (Das habe ich mit Augen gesehn: begabte, reich und frei angelegte Naturen schon in den dreissiger Jahren "zuschanden gelesen", bloss noch Streichhölzer, die man reiben muss, damit sie Funken – "Gedanken" geben).

Sáng sớm tinh mơ, lúc bình minh bùng vỡ, khi tất cả mọi sự đều tươi mát, nằm trong triều dương của sức mạnh mình, - thế mà đi đọc một quyển sách trong lúc như vậy thì đó chỉ là tội bại quá đi thôi (Frühmorgens beim Anbruch des Tags, in aller Frische, in der Morgenröte seiner Kraft, ein Buch lesen – das nenne ich lasterhaft!...)

IX.

Nơi điểm này câu trả lời thực sự cho câu hỏi, *làm thế nào mình trở thành chính mình (wie man wird, was man ist)*, chúng ta không thể nào tránh được câu trả lời này. Và như vậy tôi đụng vào kiệt tác của ngôn nghệ thuật nội thủ tự thân – của tính ích kỷ (und damit berühre ich das Meisterstück in der Kunst der Selbsterhaltung – *der Selbst – sucht*...)

Vì chúng ta hãy thử cho rằng sứ mạng, định phận của sứ mạng vượt qua mức bình thường quá độ: trong trường hợp này, không có gì có thể nguy hiểm hơn là bắt gặp tự thân mình *với* sứ mạng này (...so würde keine Gefahr grösser sein, als sich selbst *mit* dieser Aufgabe zu Gesicht zu bekommen). Trở thành chính mình thì mình không nên có ý niệm gì hết về bản tính mình (Dass man wird, was man ist, setzt voraus, dass man nicht im entferntesten ahnt, *was man ist*). Đứng từ quan điểm này ngay cả những *lỗi lầm* của đời sống cũng có ý nghĩa riêng và giá trị riêng của nó (Aus diesem Gesichtspunkte haben selbst die *Fehlgriffe* des Lebens ihren eignen Sinn und Wert) - những con đường quanh nhất thời, những con đường lộn, những trì hoãn, "những sự khiếm tốn", tinh thần trang trọng nghiêm nghị hoang phí với những bồn phận xa rời hẳn sứ mạng chính yếu (die zeitweiligen Nebenwege und Abwege, die Verzögerungen, die "Bescheidenheiten", der Ernst, auf Aufgaben verschwendet, die jenseits der Aufgabe liegen). Tất cả những điều này đều có thể phát biểu một sự dè dặt vĩ đại, cả sự dè dặt tối cao: ở đây *nosce te ipsum* (tự tri) quả là phương cách để xuống dốc (Untergang) tự quên, tự ngộ nhận, tự biến mình trở nên nhỏ nhoi hơn, hẹp hòi hơn, tầm thường hơn, trở thành chính lý trí (wird Sich-Vergessen, Sich-Missverstehn, Sich-Verkleinern, -Verengern, -Vermittelmässigen zur Vernunft selber). Nói theo điệu luân lý: tình thương lân cận, sống vì người khác, và những sự việc khác có thể là một cách che chở gìn giữ mỗi ưu tư tự thân cứng rắn nhất. Trường hợp ở đây ngoại lệ, đi ngược lại thói quen và sở kiến của tôi, tôi lại đứng về phe của những mối xung động có tính cách "vô vị kỷ": ở đây

chúng phụng sự cho lòng tự luyện, tự kỷ (Selbstsucht, Selbstzucht).

Trộn vụn bề mặt của ý thức – ý thức là một bề mặt (Bewusstsein ist eine Oberfläche) – phải được giữ khỏi hấn tất cả mọi mệnh lệnh vĩ đại! (Vorsicht selbst vor jedem grossen Worte, jeder grossen Attituede!) Hãy đề phòng mọi lời nói vĩ đại, mọi dáng điệu vĩ đại! Ô bao nhiêu là nguy cơ hiểm họa khi mà bản năng lại "tự hiểu" quá sớm – trong khi đó "ý tưởng" điều hợp định phận để thống trị lại tiếp tục nảy nở phát triển sâu thẳm tận ở dưới – nó bắt đầu chỉ huy, dần dần chậm chậm nó dẫn chúng ta trở về lại từ những con đường quanh, những nẻo lộn; nó chuẩn bị những phẩm tính và những khả năng ứng nhịp độc điệu để một ngày kia sẽ tỏ ra cần thiết như một phương tiện để hướng tới một toàn thể - lần lượt nó tôi luyện tất cả mọi khả năng phụng sự trước khi phơi bày gợi ý về sứ mạng chủ động "mục đích", "tiêu đích" hoặc "ý nghĩa" (bevor sie irgend etwas von der dominierenden Aufgabe, von "Ziel", "Zweck", "Sinn" verlauten laesst).

Được nhìn theo điệu này thì cuộc đời tôi quả là tuyệt vời. Đối với sứ mạng làm *một cuộc đảo giá mọi giá trị* (Zur Aufgabe einer Umwertung der Werte) thì cần có nhiều khả năng thấy được trong một cá thể đơn độc, - trước hết, ngay cả những khả năng đối nghịch cũng được giữ cho khỏi quấy rầy, tàn phá tiêu diệt lẫn nhau. Một sự trật tự về phẩm hạng trong những khả năng này; một khoảng cách mà không phải va chạm đối nghịch lẫn nhau; không trộn lẫn, không "giải hoà" cái gì cả; một đa dạng tính vĩ đại mà vẫn là sự đối nghịch với lại sự hỗn mang – đây là điều kiện tiên khởi, động tác bí mật lâu dài và ngón điệu thuật của bản năng tôi (Rangordnung der Vermoegen; Distanz Kunst zu trennen, ohne zu verfeinden; nichts vermischen, nichts "versoehnen"; eine ungeheure Vielheit, die trotzdem das Gegenstueck des Chaos ist, die war die Vorbedingung, die lange geheime Arbeit und Kuenstlerschaft meines Instinkts). Sự bảo tồn tối cao của nó đã được tự thể hiện tới cao độ đến nỗi tôi không bao giờ ngờ được những gì đã sinh sôi nảy nở trong tôi – và thế rồi một hôm tất cả những khả năng của tôi, đột nhiên chín vàng, vụt *phóng nổ* ra trong sự vẹn toàn tối thượng của chúng (dass alle meine Faehigkeiten ploetzlich reif, in ihrer letzten Vollkommenheit eines Tags *hervorsprangen*). Tôi không thể nhớ được rằng tôi đã từng cố gắng nhọc nhằn bao giờ cả (Es fehlt in meiner Erinnerung, dass ich mich je bemueht haette) – không có dấu vết cầm cự, tranh đấu, gắng sức nào có thể lộ nét trong tôi (es ist kein Zug von *Ringem* in meinem Leben nachweisbar); tôi là sự đối nghịch lại thứ bản tính anh hùng (ich bin der Gegensatz einer heroischen Natur). "Muốn" một cái gì đó, "cố sức" để được cái gì đó, một "ý muốn" nào đó – tôi hoàn toàn chẳng có kinh nghiệm nào cả về thứ này (Etwas "wollen", nach etwas "streben", einen "Zweck", einen "Wunsch" im Auge haben – das kenne ich alles nicht aus Erfahrung). Ngay chính giây phút này, tôi vẫn nhìn về tương lai tôi – một tương lai thênh thang! – như nhìn về trùng khơi im lặng: không có một dợn sóng dục vọng (Noch in diesem Augenblick sehe ich auf meine Zukunft – eine *weite* Zukunft! – wie auf ein glattes Meer hinaus: kein Verlangen kraeuselt sich auf ihm) Tôi hoàn toàn không muốn bất cứ cái gì phải xảy ra khác đi hiện trạng của nó, chính tôi, tôi cũng không muốn trở lên khác đi (Ich will nicht im geringsten, dass etwas anders wird als es ist; ich selber will nicht anders werden...).

Đây tôi vẫn luôn sống như thế đây. Tôi không có những ước muốn nào cả (Ich habe keinen Wunsch gehabt). Một người bốn mươi bốn tuổi mà còn có thể nói rằng không bao giờ đeo đuổi danh vọng, đàn bà và tiền bạc! (Jemand, der nach seinem vierundvierzigsten Jahre sagen kann, dass er sich nie um Ehren um Weiber, um Geld bemueht hat!)

Như vậy đây, thế rồi một hôm, chẳng hạn, tôi lại thấy mình là giáo sư đại học – cái ý tưởng ấy không

hệ thoáng qua trí tôi, vì lúc ấy tôi chưa đầy hai mươi bốn tuổi. Thế rồi hai năm trước ấy, một hôm, tôi bỗng thấy mình là một nhà bác ngữ học – tôi muốn đề cập tới bài luận đầu tiên về bác ngữ học, bước đầu của tôi trong mọi ý nghĩa, được thầy tôi cụ Ritschl, yêu cầu cho đăng trong tờ *Rheinisches Museum* của ông. (Tôi xin nói với tất cả trang trọng tôn kính, cụ Ritschl là học giả duy nhất có thiên tài mà tôi được gặp cho đến nay. Cụ có đặc tính suy đòi khả ái nói lên sự đặc thù của người vùng Thuringen và làm cho cả người Đức có vẻ gọi cảm: ngay cả việc đạt tới chân lý thì chúng ta vẫn thích trợn những con đường lén, kín, lẩn lút (*wir ziehn selbst, um zur Wahrheit zu gelangen, noch die Schleichwege vor*). Những lời lẽ này tôi không có ý định hạ thấp kẻ đồng hương của tôi, ông Leopold von Ranke, kẻ tinh khôn...).

X.

Người ta sẽ hỏi tôi tại sao tôi lại kể lể dài dòng tất cả những việc nhỏ bé này, những điều thường được coi như những vấn đề không ăn nhập gì vào đâu cả: tôi chỉ làm phương hại mình thôi, càng hại hơn nữa nếu tôi được sinh ra để biểu hiện những sứ mạng vĩ đại. Xin trả lời: những việc bé nhỏ này – thức ăn, nơi chốn, khí hậu, sự giải trí, trợn vện ngón qui biện về tính ích kỷ - thực ra quan trọng gấp trăm ngàn lần tất cả mọi sự mà người đời thường cho là quan trọng. Chính nơi điểm này mình bắt đầu phải học lại. Những gì nhân loại từ trước tới giờ thường cho là nghiêm trọng thực ra không phải là những thực tại mà chỉ là những vọng tưởng (*Hier gerade muss man anfangen, umzulernen. Das, was die Menschheit bisher ernsthaft erwogen hat, sind nicht einmal Realitäten, blosse Einbildungen*) nói cho nghiêm mật hơn, đó là những sự láo khoét mà những bản năng xấu bệnh hoạn đã gọi tạo ra, chúng quả là tai hại hết sức – tất cả những ý niệm như "Thượng đế" "linh hồn" "đức hạnh" "cõi trên" "chân lý" "đời sống vĩnh cửu" – thế mà sự vĩ đại của bản tính con người, tinh cách "thần thánh" của bản tính ấy. Tất cả những vấn đề chính trị, của tổ chức xã hội và của giáo dục lại bị xuyên tạc trợn vện chỉ vì người ta đã nhìn sai coi trọng những người tai hại nhất như những vĩ nhân – vì người ta chỉ quen học khinh bỉ những sự việc "bé nhỏ" tức là những mối bận tâm căn bản của chính đời sống (*Alle Fragen der Politik, der Gesellschafts-Ordnung, der Erziehung sind dadurch bis in Grund und Boden gefaelscht, dass man die schaedlichsten Menschen für grosse Menschen nahm – dass man die "kleinen" Dinge, will sagen die Grundangelegenheiten des Lebens selber, verachten lehrte...*).

Khi tôi so sánh với những hạng người thường được thiên hạ trọng vọng như những người *đệ nhất* thì sự sai biệt quả rõ ràng. Tôi không hề xem những kẻ gọi là "đệ nhất" này thuộc vào loài người nữa: đối với tôi họ chỉ là phế vật vô dụng căn bản của nhân loại, những quái vật bệnh hoạn, những bản năng thích trả thù; họ vô nhân đạo, tàn phá tai hại, vô phương cứu chữa ngay tận đáy, tự trả hận thù lên trên đời sống.

Tôi muốn đối nghịch hẳn với họ: ưu thế của tôi là có được tính nhạy cảm tế nhị nhất đối với tất cả dấu hiệu phô bày những bản năng lành mạnh. Không có vết bệnh hoạn nào trong người tôi; ngay cả những thời kỳ đau bệnh nặng nề tôi vẫn không bao giờ trở nên có tâm hồn bệnh hoạn; không ai có thể tìm ra được nét cuồng tín nào trong tính tình tôi. Không có một giây phút nào trong đời sống tôi mà người ta có thể chỉ cho tôi thấy rằng tôi làm dáng kênh kiệu kệnh cớm. Cái thứ làm dáng, làm điệu cải lương không thuộc vào tính chất cao cả; bất cứ kẻ nào thấy cần làm dáng thì đều giả nguy. Hãy đề phòng với tất cả mọi hạng người mỹ lệ! (*Man wird mir aus keinem Augenblick meines Lebens irgendeine anmaassliche und pathetische Haltung nachweisen koennen. Das Pathos der Attituede gehoert nicht*

zur groesse; wer Attituden überhaupt noetig hat, ist falsch... Vorsicht vor allen pittoresken Menschen!)

Đối với tôi, cuộc đời rất dễ sống – dễ sống nhất cả những lúc nó đòi hỏi những yêu sách gian nan nhất. Trong bảy mươi ngày mùa thu năm nay, liên tục không ngừng nghỉ, tôi đã làm một số việc thượng đẳng mà không ai làm nổi như vậy sau tôi – hoặc ép buộc tôi phải làm – với một trách nhiệm nặng nề cho tất cả những thế kỷ sau tôi, bất cứ kẻ nào gặp tôi trong những ngày ấy không hề nhận thấy bất cứ dấu vết căng thẳng nào trong tôi, mà chỉ thấy một sự tươi mát vui tươi tràn trề. Tôi chưa bao giờ ăn uống ngon như vậy, chưa bao giờ ngủ ngon như vậy.

Tôi không biết phương cách nào khác để đối trị với những sứ mệnh vĩ đại ngoài ra sự đùa chơi (Ich kenne keine andre Art, mit grossen Aufgaben zu verkehren als das SPIEL): như một dấu hiệu của sự vĩ đại cao cả, đây là điều tiền lập chính yếu (dies ist, als Anzeichen der Groesse, eine wesentliche Voraussetzung). Chỉ có mấy may bức bách căng thẳng xung động tâm thức, một nét mặt thâm u sầu hoặc một giọng nói gay gắt khăng khăng nơi cổ họng cũng đều là những điều phản đối lại một con người, huống chi là đối với tác phẩm của hắn! – Mình không nên để cho động thần kinh. Đau đớn vì cô độc cũng là một sự phản đối nữa. Tôi chỉ đau đớn vì "đám đông" thôi (Der geringste Zwang, die duestre Miene, irgendein harter Ton im Halse sind alles Einwaende gegen einen Menschen, um wieviel mehr gegen sein Werke!... Man darf keine Nerven haben... Auch an der Einsamkeit *leiden* ist Einwand – ich habe immer nur an der "Vielsamkeit" gelitten).

Ngay từ quá bé nhỏ non dại, lúc bảy tuổi, tôi cũng thừa biết rõ rằng không có lời nói nào của con người có thể lọt vào đôi tai được: có ai thấy tôi từng đau buồn về việc ấy không? (In einer absurd fruenhen Zeit, mit sieben Jahren, wusste ich bereits, dass mich nie ein menschliches Wort erreichen würde: hat man mich je darüber betruetbt gesehn?).

Cho mãi đến hôm nay tôi vẫn giữ hoà khí đồng đều với tất cả mọi người; ngay cả đối với hạng người thấp hèn nhất, tôi cũng đối đãi với họ đầy kính cẩn đặc biệt: trong cả mọi trường hợp này hoàn toàn không có một tí vênh váo nào hoặc khinh khỉnh kín đáo cả. Nếu tôi khinh bỉ một người nào thì hẳn *đoán biết* rằng tôi khinh bỉ hắn: chỉ có sự hiện hữu của tôi thôi cũng đủ để tôi lãng nhục tất cả mọi sự có máu xâu trong mạch máu chúng.

Phương trình cho sự vĩ đại cao cả trong một con người là AMOR FATI (Yêu Thương Định Phận): rằng mình không muốn cái gì đổi khác đi cả, ở đằng trước, đằng sau, và cả thiên thu vạn đại. Chẳng những chịu đựng những gì cần thiết tất yếu, mà lại còn không giấu giếm chúng – tất cả chữ nghĩa tinh thần lý tưởng đều là láo khoét giả dối đối diện với những gì tất yếu, cần thiết – chẳng những chịu đựng thôi mà còn yêu thương những gì cần thiết, tất mệnh (Meine Formel für die Groesse am Menschen ist amor fati: dass man nichts anders haben will, vorwaerts nicht, rueckwaerts nicht, in alle Ewigkeit nicht. Das Notwendige nicht bloss ertragen, noch weniger verhehlen – alle Idealismus ist Vorlogenheit vor dem Notwendigen –, sondern es *lieben*...)

Chú ý

Quyển *Ecce Homo* của Nietzsche gồm có 4 chương, tôi chỉ dịch và cho xuất bản trước 2 chương đầu,

còn 2 chương cuối thì xin bỏ lửng, vì những lý do sau đây:

1. Lý do kỹ thuật (nhà in đã mất gần nửa năm để in 2 chương đầu, vì dịch giả bị bệnh liên miên, bệnh tưởng tượng)
2. Lý do kiểm duyệt (ban kiểm duyệt nhà nước có đầu óc "rộng rộng" một chút thì chỉ cho phép xuất bản 2 chương đầu là nhiều)
3. Lý do tôn giáo (hai chương sau, Nietzsche đã tàn phá Thiên Chúa Giáo một cách quyết liệt nhất; trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, người ta thường tặng cho nhau những ly nước đường thực ngọt, nhất là giữa hai tôn giáo lớn. Nếu có ai chia ra ly thuốc đắng thì kẻ ấy sẽ bị hành hình như Socrate, kẻ bị kết án "phá hoại những thần thánh cũ và phun nọc độc cho thanh niên"!)
4. Lý do nội dung (hai chương sau chỉ có ý nghĩa thực sự là khi nào người ta đủ sức chịu đựng hai chương đầu và hiểu được Nietzsche là một thứ sấm sét chẻ đôi trái đất)

P.C.T

Sài Gòn ngày 14.IV.1970

Phụ lục

Tôi là ai?

Làm thế nào trở thành chính mình?

Viết để đối ngược lại với *Ecce Homo* của Nietzsche.

"Như ngôi sao, như hoa mắt, như ngọn đèn, như huyền thuật, như giọt sương, như bong bóng, như giấc mộng, như tia chớp, như làn mây, những gì bị tạo tác trở thành đều phải được nhìn thấy như thế".

(Bài kệ của *Kinh Sấm Chẻ*)

Lời mở đầu

...Những gì quan trọng nhất của tôi thường nằm ở phần gọi là *Phụ lục*. Khi tôi dịch Krishnamurti, kẻ nào tinh ranh sẽ thấy rằng gần 700 trang của quyển *Tự do đầu tiên và cuối cùng* chỉ có non 20 trang cuối cùng (*tái bút và cảm tạ*) do chính tôi viết mới là phần quan trọng nhất của toàn thể quyển sách: những gì Krishnamurti nói gần 700 trang ở trước chỉ là một thứ nhạc đệm cho 20 trang cuối cùng, chỉ những gì tôi nói về Krishnamurti mới quan trọng, còn những gì do Krishnamurti nói chỉ quan trọng cho chính Krishnamurti. Đối với quyển *Về thể tính của chân lý* (bản dịch quyển *Vom Wesen der Wahrheit* của Heidegger) cũng thế, non 30 trang do tôi viết giới thiệu ở đầu bản dịch có ý nghĩa gấp trăm lần hơn chính bản dịch (và bản dịch lại quan trọng hơn nguyên tác, những lầm lẫn của bản dịch là *những bước lang thang cố ý* trong tinh thần giao tranh với Heidegger qua chính ý thức của Heidegger trong tập *Vom Wesen der Wahrheit*: "*Lầm lạc là nghịch thể tính chính yếu, das wesentlich Gegenwesen, của thể tính uyên nguyên của chân lý. Nó khai mở ra tấn kịch hiển hiện cho tất cả sự vận hành nghịch lưu, Widerspiel, với chân lý nguyên tính, Die Irre ist das wesentliche Gegenwesen zum anfaenglichen Wesen der Wahrheit. Die Irre oeffnet sich als das Offene für jegliches Widerspiel zur wesentlichen Wahrheit*". (Xin đọc quyển *Về thể tính của chân lý*, Hoàng Đông Phương xuất bản, 1968, trang 83-84). Bản dịch chữ Việt: "*Triết lý là gì?*" (tức tập *Was ist das - die Philosophie?* của Heidegger) cũng là một cách giao tranh với Heidegger: tiếng nói Việt Nam đã nhảy lên đầu tiếng Đức, đưa tư tưởng Heidegger đối đầu với lời chú giải của Khổng Tử về hào Cửu Ngũ của quẻ Kiêu trong Kinh Dịch: "*Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân từng tong, phong từng hổ, thánh nhân tác nhi vạn vật đổ, bản hồ thiên giả thân thượng, bản hồ địa giả thân hạ, tắc các từng kỳ loại dã*". Có mấy người hiểu tôi muốn làm gì? Chỉ toàn một lũ lưu manh ranh con chờ chực để ăn mày lửa của tôi?

Bây giờ dịch quyển *Ecce Homo* của Nietzsche ở đây, tôi lại viết thêm *Phụ lục* ở đây. Chính phần *Phụ lục* này mới đáng là phần chính của quyển này. Nietzsche đã dạy tôi những gì? Một chút thiên đàng? Một chút hỏa ngục? Một chút lạnh lùng? Một chút khí lạnh trên cao? *Nietzsche không dạy cho tôi gì cả*. Đó là bài học lớn nhất của một người gửi một người.

Sài Gòn ngày 14.IV.1970

T.B. Tôi xin tặng phần *Phụ lục* này cho thi sĩ Huy Tường, người đã cung cấp giấy trắng cho tôi viết. Như thế cũng đã nói nhiều?

...Nhìn tới, nhìn lui, thấy toàn một vườn hồ đào trải dài suốt một đời người. Cụm tòng khuấy động những bóng thân mật của tuổi thơ; tuổi trẻ loé lên như một nhát búa đập vào đá, như tiếng sấm chẻ đôi.

Trời tháng Tư Việt Nam thổi nhẹ những luồng gió kín đáo, đã gần hai mươi chín tuổi. Vào tuổi này, Novalis đã chết rồi; Keats đã chết lúc vào lúc hai mươi sáu tuổi. Và Sandor Petofi, và Raymond Radiguet và cả James Dean, thần tượng một thời, nạn nhân của thời trang, nhưng chủ nhân của vĩnh cửu với cái chết lúc vừa hai mươi bốn tuổi: ai còn nhớ lại điều thuốc của James Dean một buổi chiều cháy ướt dưới mưa?

Khói thuốc kia đã bay vào phòng buổi sáng này. Nhìn tới, nhìn lui, chỉ đầy chiêm bao mộng mị.

O saisons, ô chateaux,

Quelle âme est sans défauts?

Nhưng tôi có hề gì? Bất chúc Nietzsche, tôi muốn nói: "Tôi là cái quái gì?". Tôi có là tôi hay tôi không có là tôi thì khói thuốc vẫn bay vào phòng này sáng nay. Hai mươi chín năm có mặt ở nơi này để vui, để buồn, ca, khóc, đi lên và đi xuống. Khi vừa bắt đầu biết sống thì cuộc đời đã kiệt quệ. Nhưng biết sống là thế nào? Sự vĩ đại của đời tôi là không bao giờ biết sống cho đàng hoàng; sự quý phái của đời tôi là không bao giờ tìm ra mình, không bao giờ biết mình là ai và không bao giờ biết mình muốn gì, mặc dù tôi vẫn nói về tôi, nói mãi về tôi, tôi, tôi của chiêm bao và tôi của đôi mắt nhắm lại, tôi của địa ngục và của tình yêu, từ lâu đài này đến lâu đài khác, *d'un château à l'autre...*

Tại sao tôi ngang tàng như thế?

"Như mộng hoạn bào ảnh"

1.

Điều đầu tiên: không muốn được người ta hiểu mình. Kẻ lẳng nhục mình nhất là người tự nhận hiểu mình. Mong người khác hiểu mình là căn bệnh trầm trọng của kẻ đi xuống. Áo tưởng đáng tởm nhất: đi tìm xem mình là ai. Chỉ có những người ngu xuẩn mới hỏi: *Tôi là ai?*

Tiếp theo là sự sa đọa lớn lao khác của những kẻ vênh vênh tự la lớn rằng: *tôi không là gì cả*. Và họ hãnh diện với câu nói, rồi chết với một cái gì chưa kịp hiện trên đôi mắt con cá.

Làm thế nào để trở thành mình? Goethe, Nietzsche và Kierkegaard đều hỏi như thế: ba tên cá thể cuối cùng. Làm thế nào đi nữa thì cũng là thế; khi hiểu được như vậy thì yêu thương định phận của mình, *amor fati*. Sự yêu thương đã chính là định phận.

Tôi không bao giờ biết yêu thương tôi, tôi không bao giờ tự hỏi: *làm thế nào để trở thành mình?* Tôi đã trở thành. Mọi sự đều di động. *Làm thế nào để trở thành sự chết?* Câu hỏi vô nghĩa như cái chết. Tự tri, tự hiểu mình, tự biết mình: sự sa lầy của chính Socrate và Krishnamurti. Hiểu người khác, biết cái khác: nhận ra tôi ở nơi người khác: Hemingway tự tử và Hegel tự diệt qua sự nên ngôi của một vài cái tựa (Vorrede) và một vài chương cuối của quyển *Phaenomenologie des Geistes* và *Wissenschaft der Logik*.

2.

Tôi là thế này, thế này: hậu quả của câu hỏi *Tôi là ai?*

Tưởng mình đạt đạo, tưởng mình sinh ra để đòi làm anh hùng dân tộc, để cứu tinh nhân loại, làm đạo sư, làm thầy thiên hạ: ngu xuẩn không thể chịu đựng nổi. Đi bệnh viện cho kẻ yếu, tranh đấu cho sự thật: sự lão khoét cuối cùng của bộ óc hư hỏng. "Dấn thân": con nít.

Tự nhận mình là thiên tài: trẻ con. Còn kẻ tự nhận rằng mình không thích làm thiên tài thì lưu manh không thể chịu đựng nổi.

Luôn luôn trang nghiêm, đứng đắn, khả kính, chỉ lên tiếng lúc cần lên tiếng, chỉ có mặt lúc cần có mặt, chỉ viết những gì cần viết: đó là "thích làm dáng" mà lại nói kẻ khác "làm dáng".

Bọn "làm văn nghệ" ở Việt Nam thích viết những dòng chữ như "nghĩ về...", "hiện tượng", "sinh hoạt...", "ý thức tiến bộ", vân vân. Bọn chúng viết văn rất tự mãn hay bất mãn một cách có tổ chức, luôn sẵn sàng phê bình, nhận xét, kiểm điểm, chỉ định, phản ứng kịp thời, cái lũ ranh con làm phê bình gia đầy rẫy trong những tạp chí như *Khởi hành*, *Bách khoa*, *Văn học*, vân vân, mà kiến thức được giới hạn bởi nhà sách *Việt Bằng* và *Xuân Thu*. Trong tay chúng luôn có những tờ *Express*, *Figaro littéraire* và *Nouvelles littéraires*, thỉnh thoảng dở những tập *Critique*, *Les lettres nouvelles*, *La Table Ronde*, *Esprit* và *Planète*...

Samuel Beckett vừa mới bị trúng giải Noel thì chúng đã viết bài sẵn sàng tán dương, một cách vội vã hợp thời, như công chuồng vừa mở thì mấy con heo vụt chạy ra và ăn cám.

Đó là hạng thanh niên trí thức mới, luôn luôn ăn những thứ cám mang tên là "cơ cấu luận", "hiện tượng luận", "tiểu thuyết mới", "phê bình và chống phê bình", "Jean-Paul-Sartre và Roger Caillois", vân vân. Họ thường ngồi ở Pagode, vừa mới tốt nghiệp triết học ở đại học Đà Lạt hoặc ở đại học văn khoa Sài Gòn, thích uống cà phê bỏ đường nhiều và hút bastos xanh, viết một câu chữ Pháp chưa nên thân mà hay bi bô một tràng Pháp văn rất *littéraire*, rất thông thạo về "sinh hoạt hiện tình văn nghệ miền Nam" hay lên giọng bao dung lễ độ một cách hài hước. Chốc chốc họ lại làm điệu Lão Tử: "tôi không đọc sách gì hết". Đó là cái hạng thanh niên khoảng chừng hai mươi đến 35 hoặc 36-37 tuổi. Còn hạng bốn mươi trở lên thích nói đến Nguyễn Du và dân tộc tính, hạng này có kinh nghiệm với mác-xít và rất lấy làm vênh vênh tự mãn khi vung tay chối bỏ quá khứ hoặc để cho khỏi mang danh "phản động" thì cũng xia ra đôi lý luận rất quốc hồn, quốc túy, rất xã hội, cộng đồng, quần chúng tiến bộ.

Còn hạng thanh niên loại choai từ 16 tuổi cho đến 25 tuổi thì đều tưởng là "thiên tài độc nhất của nhân loại". Cái gì cũng thích chửi rủa, đập phá; cái gì cũng tự nhận là số một, rất sung sướng khi được bạn

bề gọi là "nghệ sĩ", "thằng sống bất cần đời", "ngang tàng oanh liệt". Họ sung sướng tự nhận là "đồ đệ của Phạm Công Thiện"!

Nhưng tôi muốn hỏi các ngài: các ngài có đủ sức chịu đựng sự lố bịch của các ngài không? Tôi báo cho các ngài biết: càng cố gắng tỏ ra lố bịch, bất cần đời thì các ngài càng sợ lố bịch và rất cần đời. Đây là một lời nói lố bịch nhất mà tôi muốn tặng cho các ngài:

"Xin các ngài đừng ngó ra ngoài!"

3.

Có một hạng công chức về hưu hay đọc Krishnamurti, Thiền tông, *Đạo Đức kinh* và *Nam Hoa kinh*. Họ ăn nói như là những cụ đạo sĩ đắc đạo. Ngồi nghe họ nói chuyện một giây thôi, tôi cũng đủ hộc máu mà chết. Họ thường nói như con gà trống: đừng đi tìm gì cả, đừng chấp gì cả, Phật hay Chúa gì cũng ở tại tâm, đời sống rất giản dị, không có vấn đề gì cả.

Họ thích nói chữ "chấp". Tôi nghe đến chữ ấy thì muốn bạo động và đập cho họ một đập cho rơi xuống hố. *"Kẻ nào ngã té thì xô cho nó té luôn"* (Nietzsche nói thế ?)

4.

Còn cái hạng thanh niên trí thức anh hùng thì thích nói đến Nietzsche, cái gì cũng Nietzsche và Rimbaud! Lén lút được vào phòng họ thì mình đã thấy họ treo hoặc dán hình Nietzsche ngay tường. Rồi lại Beethoven! Khi nhìn thấy họ ngồi nghe nhạc Beethoven và thấy họ vung tay đánh nhịp "một cách đã đời" thì mình phải mở cửa vào phòng WC gấp.

"Phải cứng rắn, phải đau đớn, tàn bạo, vượt lên mọi tầm thường, vượt lên mọi nhảm nhí", họ thích nghĩ và họ thích nói như vậy.

Họ lại cũng nói rất tài về Henry Miller, Dostoievsky, vân vân. Và mỗi khi đọc những tác giả ấy, họ lấy thước gạch thật ngay, thật thẳng dưới những hàng chữ. Và nếu có viết bài đăng báo nào thì những hàng chú thích dưới trang luôn luôn ghi rõ tên sách, tên nhà xuất bản, chỗ và năm xuất bản, số trang.

5.

Còn cái hạng "làm cách mạng tiên bộ" thì lại hay dùng tính từ "tích cực". Họ gọi Krishnamurti là "nhảm nhí", "không giải quyết gì cả".Ồ, muốn giải quyết à ? Cứ đi vào nhà điếm!

Đối với hạng người ấy, mình có thể gập rất nhiều chữ sau đây: "thực tại", "thực tế", "hoàn cảnh", "xã hội", "xây dựng", "đi lên", "tập thể", "lý tưởng", "ái quốc", "con người", "nhân bản", "giá trị", "giải quyết", "thiết thực", "đích thực", "hiện thực", vân vân.

6.

Rồi lại có những tên "làm văn nghệ có ý thức" lại học đòi André Malraux. Họ viết truyện ngắn, truyện

dài đầy sự thức tỉnh, "làm lịch sử", đầy cái không khí về chiều của quán rượu Paris cùng những ván cờ trầm ngâm trong quán cà phê! Nhân vật của họ thích nói "Merde"! Lâu lâu lại có dẫn thêm vài câu thơ chữ Pháp rất siêu thực. Rồi lại dẫn câu thơ của René Char.

Họ rất đắm chiêu nghệ thuật. Luôn luôn muốn có cái nhìn rất tỉnh thức và sáng suốt lạnh lùng. Họ rất khôn ngoan, không đại dốt hoả lẫn với bất cứ ai, không đại dốt để tên tuổi trộn lẫn ở một nơi nào bất ngờ. Cái tên của họ luôn luôn ở vào nơi mong đợi, nơi nào họ có mặt là sự có mặt *rất có mặt*.

Đối với họ, cái cà vạt là sự sỉ nhục cho sự đam mê nghệ thuật. Hay đôi lúc có thắt cà vạt đi nữa thì đáng điệu của họ phải làm như có vẻ khó chịu, *rất khó chịu*...

7.

Có hạng người cái gì cũng chửi, cũng rạch ròi đến tim gan, cái gì cũng bị họ cho là giả, không chân thành. Họ thích nói hai chữ "chân thành". Ở đâu có bóng họ trờ tới thì phải có sự ồn ào to tiếng, có sự lảng mạ tục tĩu, ngông nghênh một cách đáng thương hại. Họ thích phản bội, nói xấu bạn bè, nói xấu hết cả mọi người. Chốc chốc, họ cũng tự nói xấu. Mà có tự nói xấu thì cũng để tỏ ra chỉ có mình "chân thành" mà thôi.

8.

Tôi chỉ mới nói sơ sơ về con trai, còn con gái thì khỏi nói và xin im lặng.

9.

Tất cả những gì tôi nói về người khác cũng là tôi nói về tôi trong một mặt kính tráng vôi trắng mỏng.

Tôi có tất cả những gì mà tôi thấy ghét ở người khác.

Tại sao tôi ngang tàng như thế?

Muốn thấy sự lố bịch của thiên hạ, *mình phải lố bịch gấp trăm ngàn lần họ!*

10.

Trên bàn viết có một cái ly trắng, có những đoá bông trắng đang nở, bao nhiêu lá xanh đang xanh. Gió thổi nhẹ và lay nhẹ bông và lá.

Thoát khỏi mọi hiềm thù, phần uất; thoát khỏi mọi sự trả thù kín đáo, thoát khỏi mọi thù ghét. Thu nhận tất cả mọi phản hồi của ý thức và vô thức.

Người nào tôi thù ghét nhất; người ấy chính là *tôi*.

Ngang tàng với mọi sự chỉ là bước đầu: lưới kiếm chặt vào nước!

Ngang tàng với sự trống rỗng mênh mông, vô hạn lồng lộng.

Hận thù là muốn biến sự trống rỗng thành đá.

Những gì không hiểu thì *cứ không hiểu*: sức mạnh của sự thất bại.

Tự nhiên: hai chữ khó hiểu nhất trong ngữ vựng con người.

Tại sao tôi điên cuồng như thế?

"Như lộ diệc như điện"

1.

Người nào thích làm thiên tài thì hay thích điên cuồng. Vì có điên cuồng thì mới có đáng thiên tài! Điên cuồng có cần thiết? Điên thì điên, không điên thì không điên.

2.

Nhưng tất cả sự điên cuồng đều có sự xếp đặt, đều có sự tính toán kín đáo của ngôn ngữ. Người không biết nói thì không bao giờ điên mà người điên thì không bao giờ nói: lý luận quá ngây ngô.

3.

Tôi thích Hegel hơn Nietzsche: sự tỉnh táo sáng suốt của Hegel là một con đê mạnh mẽ trấn được nước thác cuộn cuộn của trí óc. Nietzsche chịu đựng không nổi và đã vỡ nát: nhưng sự im lặng của Nietzsche trong mười năm cuối cùng đánh nổi lại được sự tỉnh táo sáng suốt trọn đời của Hegel.

4.

Chỉ có một sự điên cuồng duy nhất: không dám nói những gì tâm thường nhỏ mọn nhất đang xuất hiện thường trực trong đầu mình.

5.

Không có người nào là không sợ chết, không có người nào là không thích sướng, không có người nào là không muốn người khác nhận ra mình, không có người nào là không thích nói chuyện mình cho người khác nghe, không có người nào là không thù ghét người khác, không có người nào là không thích mình hơn thiên hạ, không có người nào mà không ích kỷ, không có người nào mà không giả dối, không có người nào mà không ham sống, không có người nào mà không thích người khác kính nể mình, không có người nào mà không thích người ta nói tốt về mình, nghĩ tốt về mình.

Có người nào làm ngược lại những điều trên thì cũng y hệt như trên. Không có người nào là không sợ hãi.

Như vậy phải làm sao? Cứ tiếp tục, vì đã tiếp tục rồi. Cái gì là thể thì đã là thể và sẽ như thế. Nước chảy vì đã chảy...

6.

Không thể khác sao? Biện chứng pháp của Hegel không thể là *khác* biện chứng pháp Hegel. Vòng tròn đóng lại: sự điên cuồng giả dối biến thành con rắn khôn ngoan thò lưỡi liếm đuôi.

7.

Có một nhà tù tàn nhẫn khắc nghiệt hơn tất cả những nhà tù ở thế giới: đó là quyền tự điển.

8.

Khi còn trẻ có lần Hegel sắp điên; như G. Bataille nhận xét, Hegel đã quay lưng lại sự điên cuồng và xây một hệ thống để trấn dè Nhị Hà. Hegel đã làm một thứ "bách khoa tự điển". Nhà tù dễ sống hơn là cõi rộng thênh thang. Sự vĩ đại của Hegel.

9.

Làm thế nào để trở thành chính mình? Điên cuồng.

Một ngôi sao nhảy múa, được khai sinh từ sự hỗn mang, thì ngôi sao ấy cũng là một sự hỗn mang. Nietzsche đã biết hết và phải đành chịu im lặng, sau khi đã nói quá nhiều, quá nhiều, quá nhiều.

10.

Chưa nói mà đã im lặng, đó là tấn hài kịch của những kẻ tập sự hành nghề đạo sĩ.

Tại sao tôi điên cuồng như thế?

Vì tôi đã nói quá nhiều? Hay vì tôi chưa nói và đã vội muốn im lặng?

*Tất cả cuộc đời là giấc mộng và những
giấc mộng là giấc mộng
Toda la vida es sueno
y los suenos sueno
(Pedro Calderon de la Barca)*

Nhất thiết hữu
vi pháp
Như mộng hoạn
bào ảnh

Tàrakà timiram dīpo mārā-avasyāya budbudam supinam vidyud

Như lộ diệc như abhram ca evam drastavyam samskrtam
điện
ưng tác như thị
quán

T.B. Bài kệ trên đáng lẽ phải được khắc trên bia mộ của Nietzsche và Hegel.

Cảm tạ

Tôi xin chân thành cảm tạ Bà Giám đốc nhà in Đăng Quang đã giúp đỡ hết lòng về đủ mọi phương tiện (nhất là phương diện tài chính) để cho tất cả những quyển sách của nhà Phạm Hoàng được xuất bản trong những điều kiện khó khăn nhất. Không có sự giúp đỡ tận tình của bà thì không có quyển sách nào của nhà xuất bản Phạm Hoàng được ra đời cả. Chính bà đã tự bỏ vốn ra để in giùm cho, chẳng những thế, bà lại còn bỏ tiền ra để giúp đỡ cho gia đình cha mẹ và bảy em nhỏ của tôi được sống qua ngày tháng. Sự cảm tạ này có tính cách riêng tư, nhưng tôi xin lỗi độc giả lượng thứ cho sự cảm tạ công khai này, vì trên đời này còn có cái gì tốt đẹp thì chúng ta hãy làm cái ấy lan rộng ra để cho mọi người đều biết. Nếu một số vị giám đốc nhà in ở Việt Nam làm được cử chỉ cao đẹp của bà giám đốc nhà in Đăng Quang thì biết bao nhiêu anh em văn nghệ sĩ ở Việt Nam sẽ còn thấy rằng họ không hẳn bị bỏ rơi trong xã hội này, rằng luôn luôn vẫn có những tâm hồn vô danh sẵn sàng âm thầm giúp đỡ họ trong mọi mặt để cho họ còn sức để đứng vững, để tiếp tục sáng tạo, tiếp tục phấn đấu trong hoàn cảnh đói, nghèo, khổ, đầy đoạ, khốn kiệt.

Một người nghệ sĩ Việt Nam mà không chịu bán đứng bản thân, không chịu đánh điểm ngòi bút mình, không chịu đi làm tôi đòi cho những thế lực, thì phải bị đầy đoạ trong cảnh nghèo đói, khốn khổ, kiệt quệ. Nhưng giữa hoàn cảnh đen tối thất vọng ấy, mà còn có tình người chiếu hiện thì mọi sự không hẳn là tuyệt vọng. Chúng ta hãy tiếp tục đứng lên, bước tới và đấu tranh và sáng tạo cho một cái gì lòng lộng còn rớt lại giữa cuộc đời này. Chúng ta hãy sáng tạo với đôi môi run rẩy lời cảm tạ, cảm tạ một chút mặt trời trên cao, cảm tạ một chút lá xanh còn lại, cảm tạ một ánh mắt nào đó của con người, một đốm lửa nào đó còn lại trong đêm sâu.

Phạm Công Thiện

Sài Gòn ngày 25 tháng Tư, năm 1970.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>